Thầy giáo Hồ Khắc Vũ – GV dạy Toán cấp I-II. Sđt: 037.858.8250 TP Tam Kỳ - Quảng Nam
"Thành Công Có Duy Nhất Một Điểm Đến Nhưng Có Rất Nhiều Con Đường Để Đi"

TUYỂN TẬP

60 ĐỀ THI HỌC KỲ II LỚP 5 - MÔN TOÁN

Tập 01: 001-030

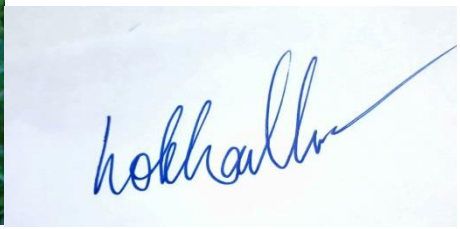

Tam Kỳ-Quảng Nam, tháng 02-2019

Tuyển Tập 60 Đề Thi Học Kỳ II Lớp 5 Năm học 2018-2019

Success has only one destination, but has a lot of ways to go

ĐỀ 001

I. Trắc nghiệm(3 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng trong các câu sau:

Câu 1: Chữ số 5 trong số 23,125 có giá trị là:

A. $\frac{5}{10}$ B. $\frac{5}{100}$ C. $\frac{5}{1000}$

Câu 2: 3,5 ngày = ……giờ

A. 105 B. 84 C. 210

Câu 3. Tỉ số phần trăm của 2 và 4 là:

A. 50% B. 80% C. 60%

Câu 4. Thể tích hình hộp chữ nhật là? Biết a = 6cm, b = 5cm, c = 8cm

A. $30cm^2$ B. $120cm^3$ C. $240cm^3$

Câu 5: 5 tấn 7kg =……kg

A. 5,07 kg B. 507 kg C. 5007kg

Câu 6: Phân số $\frac{3}{5}$ được viết dưới dạng số thập phân là:

A. 3,5 B. 5,3 C. 0,6

II. Bài tập (7 điểm)

Bài 1: (3 điểm) Đặt tính rồi tính.

a) 409,32 + 75,28	b) 465,25 – 93,35	c) 7 phút 35 giây x 4	d) 47 giờ 30 phút : 5

Bài 2: (1 điểm)

a/ Tìm x: 47,5 : x = 2,5 + 1,3	b/ Tính bằng cách thuận tiện nhất 3,5 x 1,2 + 1,2 x 4, 5

Bài 3: (3 điểm) Người ta dùng tấm lưới rào kín xung quanh một khu đất hình chữ nhật có chiều dài 15m chiều rộng bằng 2/3 chiều dài. Hỏi:

a) Tấm lưới rào dài bao nhiêu mét?

b) Diện tích tấm lưới rào? biết chiều cao 3,5 m.

c) Nếu cứ 3 m^2 lưới có giá trị 75 000 đồng thì số tiền dùng để mua lưới rào là bao nhiêu?

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 001

I,Trắc nghiệm

1.*C* 2.*B* 3.*A* 4.*C* 5.*C* 6.*C*

II.TỰ LUẬN

1) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,75đ

a) $409,32+75,28=484,6$ *b*) $465,25-93,35=317,9$

c) 7 phút 35 giây $\times 4$ = 30 phút 20 giây d) 47 giờ 30 phút $:5=9$ giờ 30 phút

2) $a) 47,5 : x = 2,5 + 1,3$

$47,5 : x = 3,8$

$x = 47,5 : 3,8$

$x = 12,5$

$b) 3,5 \times 1,2 + 1,2 \times 4,5$

$= 1,2 \times (3,5 + 4,5)$

$= 1,2 \times 8 = 9,6$

3) a) Chiều rộng tấm lưới rào : $15 \times \frac{2}{3} = 10 (m)$

Chiều dài tấm lưới rào : $(15 + 10) \times 2 = 50 (m)$

b) Diện tích tấm lưới rào : $50 \times 3,5 = 175 (m^2)$

c) Số tiền dùng mua lưới là : $(175 : 3) \times 75000 = 4375000$ (đồng)

Đáp số: $a) 50 m$; $b) 175 m^2$ c) 4 375 000 đồng.

ĐỀ 002

PHẦN I. Trắc nghiệm

Câu 1. 1 điểm *Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.*

Kết quả của phép chia 912,8 : 28 là:

A. 0,326 B. 3,26 C. 32,6 D. 326

Câu 2. 1 điểm *Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.*

Một huyện có 320 ha đất trồng cây cà phê và 480 ha đất trồng cây cao su. Hỏi diện tích đất trồng cao su bằng bao nhiêu phần trăm đất trồng cây cà phê ?

A. 15% B. 150% C. 66,66% D. 60%

Câu 3. 1 điểm *Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:*

a) 8m 5dm =.....m

b) 0,08 tấn = ...kg

c) $16m^2$ $9dm^2$ =.....m^2

d) $2dm^3\ 9cm^3$ = ...cm^3

Câu 4. 1 điểm

Tính diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật có chiều dài 25dm, chiều rộng 1,5m và chiều cao là 18dm.

Diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật đó là: .....

Câu 5. 1 điểm *Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng :*

Một bể nước dạng hình hộp chữ nhật có các kích thước đo ở trong lòng bể là: chiều dài 4m, chiều rộng 3m và chiều cao 2,5m. Biết rằng 80% thể tích của bể đang chứa nước. Hỏi trong bể có bao nhiêu lít nước?(1lít = $1dm^3$)

A. 24 lít B. 240 lít C. 2400 lít D. 24000 lít

PHẦN II. Trình bày bài giải các bài toán sau

Câu 6. 2 điểm *Tính.*

a) 17 giờ 53 phút + 4 giờ 15 phút =

.....

b) 45 ngày 23 giờ - 24 ngày 17 giờ =

.....

c) 6 giờ 15 phút × 6 =

.....

d) 21 phút 15 giây : 5 =

.....

Câu 7. 2 điểm

Một ô tô và một xe máy khởi hành cùng một lúc và đi ngược chiều nhau. Ô tô đi từ A với vận tốc 48,5km/giờ, xe máy đi từ B với vận tốc 33,5km/giờ. Sau 1 giờ 30 phút ô tô và xe máy gặp nhau tại C. Hỏi quãng đường AB dài bao nhiêu ki- lô- mét?

Câu 8. 1 điểm *Tính bằng hai cách.*

(6,24 + 1,26) : 0,75

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 002

I.TRẮC NGHIỆM 1.C 2.B

3) $a) 8m5dm = 8,5m$ $c) 16m^2 9dm^2 = 16,09m^2$

b) 0,08 tấn = 80 kg $d) 2dm^3 9cm^3 = 2009cm^3$

4) $21,9m^2$ 5) D

II.TỰ LUẬN

6) a) 17 giờ 53 phút + 4 giờ 15 phút = 22 giờ 8 phút

b) 45 ngày 23 giờ - 24 ngày 17 giờ = 21 ngày 6 giờ

c) 6 giờ 15 phút $\times 6$ =37 giờ 30 phút

d) 21 phút 15 giây : 5 = 4 phút 15 giây

7) 1 giờ 30 phút $= 1,5$ giờ

Số kilomet 1 giờ ô tô đó đi là : $48,5 + 33,5 = 82$ (km)

Số kilomet quãng đường AB dài là : $82 \times 1,5 = 123(km)$

Đáp số: $123km$

8)

Cách 1.

$(6,24 + 1,26) : 0,75$
$= 7,5 : 0,75$
$= 10$

Cách 2

$(6,24 + 1,26) : 0,75$
$= 6,24 : 0,75 + 1,26 : 0,75$
$= 8,32 + 1,68$
$= 10$

Tuyển Tập 60 Đề Thi Học Kỳ II Lớp 5 Năm học 2018-2019

Success has only one destination, but has a lot of ways to go

ĐỀ 003

TRẮC NGHIỆM.

1. 3 giờ 15 phút – 2 giờ 12 phút =…
   A. 1 giờ 25 phút B. 1 giờ 3 phút C. 5 giờ 27 phút D. 5 giờ 3 phút.
2. 1,5 + 1,5 ×3 : 2×2×2 =…….. Số cần điền vào đê có kết quả đúng là:
   A. 1,125 B. 10,5 C. 72 D. 12
3. Một người đi xe máy hết 80 km trong 150 phút. Hỏi vận tốc của xe máy là bao nhiêu km/ giờ?
   A. 16 km/giờ B. 40km/giờ C. 32km/giờ D. 50km/giờ.
4. Hai máy bơm sẽ hút hết nước trong hồ trong 1 giờ 40 phút. Hỏi nếu dùng bốn máy bơm như thế sẽ hút hết nước của hồ đó trong bao lâu?
   A. 1 giờ 20 phút B. 40 phút C. 50 phút D. 60 phút
5. Hình lập phương cạnh 4cm sẽ có diện tích xung quanh là bao nhiêu?
   A. $4cm^2$ B. $16cm^2$ C. $64\ cm^2$ D. $96cm^2$
6. Hình tròn có đường kính 3cm có diện tích là bao nhiêu?
   A. $18,84\ cm^2$ B. $28,26\ cm^2$ C. $18,84\ m^2$ D. $7,065cm^2$

B. TỰ LUẬN.

Bài 1. Điền dấu (>; <; =) thích hợp vào chỗ chấm:

a. 24, 3 × 4……97,20 b. 3250kg…….3 tấn 205 kg.
c. 4ha……..0,4 km^2d. 3,6km ……..36000m

Bài 2. Tìm x , biết:

a. $x + \frac{4}{5} = 2,5 \times 1,5$ b. $4,775 - x = 4,775 + 3,6 \times (0,01 - \frac{1}{100})$

Bài 3. Người ta dùng tôn để làm một chiếc thùng dạng hình lập phương có nắp, chiều cao của thùng là 1,2m. Tính diện tích tôn cần dùng để làm thùng biết mép hàn không đáng kể.

Bài 4. Một xe máy đi từ A đến B với vận tốc 30 km/ giờ trong thời gian là 1 giờ 30 phút.

a. Tính độ dài quãng đường AB.

b. Nếu xe xuất phát ở A lúc 8 giờ và muốn đến B lúc 9 giờ thì phải đi với vận tốc bao nhiêu?

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 003

I.TRẮC NGHIỆM $1B \quad 2B \quad 3C \quad 4C \quad 5C \quad 6D$

II.TỰ LUẬN

1) $a) 24,3\times 4 = 97,2$ $b) 3250\,kg >$ 3 tấn 205 kg

$c) 4\,ha < 0,4\,km^2$ $d) 3,6\,km < 36000\,m$

2)$a)$ $x+\frac{4}{5}=2,5\times 1,5$

$x+\frac{4}{5}=3,75$

$x=3,75-\frac{4}{5}$

$x=2,95$

$4,775-x=4,775+3,6\times\left(0,01-\frac{1}{100}\right)$

$4,775-x=4,775+3,6\times 0$

$4,775-x=4,775$

$x=4,775-4,775$

$x=0$

3) Diện tích tôn cần dùng là : $1,2\times 1,2\times 6=8,64(m^2)$ Đáp số: $8,64m^2$

4) 1 giờ 30 phút = 1,5 giờ.

a) Quãng đường AB dài là : $30\times 1,5=45(km)$

b) Vận tốc xe cần có: $45:(9-8)=45(km/h)$

Đáp số: a) 45 km b) 45 km/h

ĐỀ 004

Khoanh vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng: (từ câu 1 đến câu 4)

Câu 1:

a) Số thập phân gồm 5 đơn vị, 7 phần mười, 2 phần trăm viết là:

A. 5,72 B. 5,072 C. 572 D. 0,572

b) Số thích hợp điền vào chỗ chấm của 8 m^3 312dm^3 = ... m^3 là :

A. 8,321 B. 8,312 C. 8312 D. 83,12

Câu 2: Số thích hợp điền vào chỗ chấm:

a) 2 giờ 35 phút = ...phút.

A. 65 B. 155 C. 235 D. 2,35

b) 3 thế kỉ 6 năm = ……. năm.

A. 186 B. 306 C. 360 D. 3,6

Câu 3: Hình chữ nhật có chiều rộng = 5m, chiều dài = 6,2 m, diện tích là:

A. 31 m^2 B. 31,2 m^2 C. 30,2 m^2 D. 11,2 m^2

Câu 4: Một hình lập phương có cạnh là 5dm. Thể tích hình lập phương đó là:

A. 25 dm^3 B.125 dm^3 C. 10 dm^3 D. 5 dm^3

Em làm các bài tập sau. (Từ câu 5 đến câu 8).

Câu 5: Đặt tính rồi tính:

a) 605,26 + 217,3 **b) 68,4 – 25,7**

.....

.....

.....

.....

c) 68,2 × 8,7 **d) 23,56 : 6,2**

.....

.....

.....

.....

Câu 6: Tìm y:

a) y × 4,5 = 55,8 b) y × 1,5 – 5,7 = 3,3

.....

.....

.....

.....

Câu 7: Một người đi xe đạp từ A đến B với vận tốc 12 km/ giờ. Sau 3 giờ một xe máy cũng đi từ A đến B với vận tốc 36 km/ giờ. Hỏi kể từ lúc xe máy bắt đầu đi, sau bao lâu xe máy đuổi kịp xe đạp?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 8 : Tính tổng của các dãy số sau:

1 + 2 + 3 + 4 + 5 + ...+ 98 + 99 + 100

.....
.....
.....
.....
.....

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 004

1) $a)A$ $b)B$ 2) $a)B$ $b)B$ 3) A 4) B

5) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$a)\ 605,26+217,3=822,56$ $b)68,4-25,7=42,7$

$c)68,2\times 8,7=593,34$ $d)\ 23,56:6,2=3,8$

6) $a)\ y\times 4,5=55,8$

$y=55,8:4,5$

$y=12,4$

$y\times 1,5-5,7=3,3$

$y\times 1,5=3,3+5,7$

$y\times 1,5=9$

$y=9:1,5$

$y=6$

7) Số kilomet xe đạp đi trước xe máy là : $12\times 3=36\,(\text{km})$

Số giờ đủ để xe máy đuổi kịp xe đạp là : $36:(36-12)=1,5\,(\text{giờ})$

Đáp số: 1,5 giờ

8) Số số hạng : $(100-1):1+1=100$ (số)

Tổng là : $\frac{(100+1)\times 100}{2}=5050$

ĐỀ 005

***Câu 1*: Chữ số 5 trong số 199, 95 chỉ là:** *(0,5điểm)*

A. 5 Phần mười B. 5 Phần trăm C. 5 Chục D. 5 Đơn vị

***Câu 2*: Hỗn số 5 $\frac{3}{5}$ được viết dưới dạng phân số là:** *(0,5điểm)*

A. $\frac{21}{5}$ B. $\frac{25}{3}$ C. $\frac{13}{10}$ D. $\frac{28}{5}$

***Câu 3*: 0,08 tấn = …. kg** *(0,5điểm)*

A. 8kg B. 80kg C. 800kg D. 8000kg

***Câu 4*: Có 20 viên bi, trong đó có 3 viên bi nâu, 4 viên bi xanh, 5 viên bi đỏ, 8 viên bi vàng. Như vậy $\frac{1}{4}$ số viên bi có màu:** *(0,5 điểm)*

A. Nâu B. Đỏ C. Xanh D. Trắng

***Câu 5*: Khoảng thời gian từ lúc 9 giờ kém 10 phút đến 9 giờ 30 phút là:** *(0,5 điểm)*

A. 10 Phút B. 20 Phút C. 30 Phút D. 40 Phút

***Câu 6*: Một huyện có 320ha đất trồng cây cà phê và 480ha đất trồng cây cao su. Hỏi diện tích đất trồng cây cao su bằng bao nhiêu phần trăm diện tích đất trồng cây cà phê ?:** *(0,5 điểm)*

A. 150% B. 15% C. 1500% D. 105%

***Câu 7*: Hình lập phương có cạnh là 5m. Vậy thể tích hình đó là:** *(0,5 điểm)*

A. 150 m^3 B. 125 m^3 C. 100 m^3 D. 25 m^3

***Câu 8*: a) Tìm x, biết**: *(0,5 điểm)*

$x + 5{,}84 = 9{,}16$

b) Tính bằng cách thuận nhất: *(0,5 điểm)*

$69{,}78 + 35{,}97 + 30{,}22$

***Câu 9**: Đặt tính rồi tính: (2 điểm)*

a) 12 giờ 24 phút + 3 giờ 18 phút

b) 14 giờ 26 phút - 5 giờ 12 phút

c) 8 giờ 5 phút × 2

d) 36 giờ 18 phút : 6

***Câu 10**: Một người đi xe đạp một quảng đường 18km với vận tốc 10 km/giờ. Hỏi người đi xe đạp đó đã đi hết bao nhiêu thời gian ? (1,5 điểm)*

***Câu 11**: Trên một thửa ruộng hình chữ nhật có diện tích là 1200m^2. Người ta sử dụng một nửa diện tích đó để trồng lúa, phần còn lại trồng ngô.*

a. Diện tích đất trồng lúa là bao nhiêu mét vuông ?.

***b. Nếu cứ 1m^2 thì thu hoạch được 10kg lúa, thì với diện tích trồng lúa như trên thì người ta thu được bao nhiêu ki-lô-gam lúa ?.** (2 điểm)*

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 005

1.*B* 2.*D* 3.*B* 4.*B* 5.*D* 6.*A* 7.*B*

8) *a)* $x + 5,84 = 9,16$

$x = 9,16 - 5,84$

$x = 3,32$

b) $69,78 + 35,97 + 30,22$

$= (69,78 + 30,22) + 35,97$

$= 100 + 35,97$

$= 135,97$

9) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

a) 12 giờ 24 phút + 3 giờ 18 phút = 15 giờ 42 phút

b) 14 giờ 26 phút – 5 giờ 12 phút = 9 giờ 14 phút

c) 8 giờ 5 phút $\times 2$ =16 giờ 10 phút

d) 36 giờ 18 phút : 6 = 6 giờ 3 phút

10) Thời gian người đó đi là : $18:10=1,8$(giờ) Đáp số: 1,8 giờ

11) a) Diện tích trồng lúa là : $1200:2=600\left(m^2\right)$

b) Số kilogam lúa thu hoạch được là : $600\times10=6000(kg)$

Đáp số: $a)600\,m^2$ $b)6000kg$

ĐỀ 006

Bài 1: Hãy khoanh tròn vào chữ đặt trước các câu trả lời đúng sau :

a. Chữ số 5 trong số 214,052 có giá trị là:

A. 5 B. $\frac{5}{10}$ C. $\frac{5}{100}$ D. $\frac{5}{1000}$

b. $2m^3 85dm^3$ = ……..m^3

A. 2,85 B. 2,085 C. 285 D. 2085

c. 10% của 8dm là:

A. 10cm B.70cm C. 8cm D. 0,8

d) Thể tích hình hộp chữ nhật có chiều dài 6cm, chiều rộng 5cm, chiều cao 8cm là:

A. $30cm^2$ B. 240cm C. $240cm^2$ D. $240cm^3$

e) Một ô tô đi với vận tốc 51km/giờ. Hỏi ô tô đi với vận tốc bao nhiêu mét một phút ?

A. 850m/phút B. 805m/phút C. 510m/phút D. 5100m/phút.

f) Phân số $\frac{2}{5}$ viết dưới dạng số thập phân là:

A. 2,5 B. 5,2 C. 0,4 D. 4,0

gTừ 9 giờ kém 10 phút đến 9 giờ 30 phút có

A. 10 phút B. 20 phút C. 30 phút D. 40 phút.

h) Diện tích hình tam giác ABC là:

A. 9,45cm^2 B.18,9cm^2

C. 17,8cm^2 D. 4,45cm^2

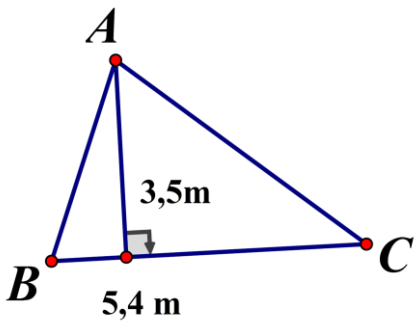

Bài 2: Đặt tính rồi tính:

a) 3256,34 + 428,5 b) 576,4 – 59,28 c) 625,04 × 6,5 d) 125,76 : 1,6

.....
.....
.....
.....

.....

Bài 3:

Một ô tô đi từ tỉnh A lúc 6 giờ và đến tỉnh B lúc 10 giờ 45 phút. Ô tô đi với vận tốc 48 km/giờ và nghỉ dọc đường mất 15 phút. Tính độ dài quãng đường từ tỉnh A đến tỉnh B.

.....
.....
.....
.....

.....

.....
.....

.....
.....

.....

Bài 4:

Một hình hộp chữ nhật có diện tích xung quanh là 7,2m^2, chiều cao 1,2m, chiều dài hơn chiều rộng 0,2m. Tính thể tích của hình hộp chữ nhật đó

.....
.....
.....
.....

.....

.....
.....
.....
.....

.....

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 006

1.$a)C$ $b)B$ $c)C$ $d)D$ $e)A$ $f)C$ $g)D$ $h)A$

2. Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$a)\ 3256,34+428,5=3684,84$ $b)576,4-59,28=517,12$

$c)\ 625,04\times 6,5=4062,76$ $d)125,76:1,6=78,6$

3) Thời gian ô tô đi là : 10 giờ 45 phút – 6 giờ - 15 phút = 4,5 (giờ)

Quãng đường AB dài là : $48\times 4,5=216(km)$ Đáp số: 216 km

4) Nửa chu vi đáy hình hộp là : $7,2:1,2:2=3(m)$

Chiều dài hình hộp là : $(3+0,2):2=1,6(m)$

Chiều rộng hình hộp là : $3-1,6=1,4(m)$

Thể tích hình hộp là : $1,6\times1,4\times1,2=2,688(m^3)$ Đáp số: $2,688m^3$

ĐỀ 007

Phần I: Khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng ở các bài tập sau:

1. Cho số thập phân 54,172.
   Chữ số 7 có giá trị là: A. 7; B. $\frac{7}{10}$; C. $\frac{7}{100}$; D. $\frac{7}{1000}$;

2. 3500m bằng bao nhiêu ki lô mét?
   A. 35km; B. 3,5km; C. 350km; D. 0,35km.

3. Giá trị của biểu thức: 3,7 x 2,3 - 2,1 : 0,4 là:
   A. 3,26; B. 3,36; C. 2,9; D. 29;

Phần II: 1. Đặt tính rồi tính:

35,88 + 19,36;	100 - 9,99.	67,28 x 5,3;	87,5 : 1,75;
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

2. Một ô tô đi từ A lúc 6 giờ và đến B lúc 10 giờ 45 phút. Ô tô đi với vận tốc 48 km/giờ và nghỉ ở dọc đường mất 15 phút. Tính quảng đường AB.

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho hình thang vuông ABCD có kích thước như hình vẽ dưới đây. Tính:

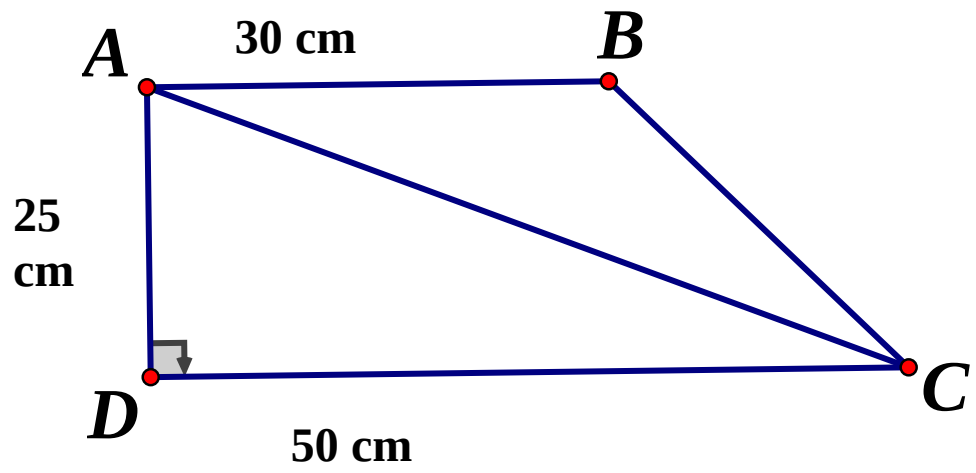

a. Diện tích hình thang ABCD? b. Diện tích hình tam giác ABC.

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 007

I.Trắc nghiệm 1.*C* 2.*B* 3.*A*

II.Tự luận

1)Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$35,88+19,36=55,24$ $100-9,99=90,01$

$67,28\times 5,3=356,584$ $87,5:1,75=50$

2) Thời gian đi của ô tô là : 10 giờ 45 phút – 6 giờ - 15 phút = 4,5 (giờ)

Quãng đường AB dài là : $48\times 4,5=216(km)$ Đáp số: 216 km

3) a) Diện tích hình thang ABCD : $(30+50)\times 25:2=1000(m^2)$

b) Diện tích tam giác ABC là : $30 \times 25 : 2 = 375 (cm^2)$

Đáp số: $a) 1000 cm^2$; $b) 375 cm^2$

ĐỀ 008

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: **(5 điểm)**

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng cho các câu 1,2,3,4 sau:

Câu 1. Chữ số 2 trong số nào sau đây có giá trị là $\frac{2}{100}$?

A. 42,54 B. 126,7 C. 205,41 D. 65,42

Câu 2. Hỗn số $2\frac{3}{5}$ viết dưới dạng số thập phân là :

A. 2,35 B. 2,6 C. 23,5 D. 2,06

Câu 3. Diện tích hình tam giác có đáy 10cm, chiều cao 5 cm là:

A. $15cm^2$ B. $25cm^2$ C. $30cm^2$ D. $50cm^2$

Câu 4. Một ô tô đi quãng đường AB mất 2 giờ 30 phút với vận tốc 50 km/ giờ. Độ dài quãng đường AB là:

A. 125 km B. 100 km C. 115 km D. 1150 km

Câu 5. Diện tích hình tròn có bán kính 3 dm là:

A. 9,42 dm^2 B. 28,26 dm C. 18,84 dm^2 D. 28,26 dm^2

Câu 6. Các số 2,581; 2,85 ; 8,52; 28,5 xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là:

A. 28,5 ; 8,52 ; 2,85 ; 2,581.

B. 8,52 ; 2,85 ; 2,581; 28,5.

C. 2,85 ; 28,5 ; 8,52 ; 2,581.

D. 2,581; 2,85 ; 8,52 ; 28,5

Câu 7. ***Đúng ghi Đ, sai ghi S:***

a) 2 m^2 4 dm^2 = 2,4 m^2 ☐

b) 4dm^3 12 cm^3 = 4,012 dm^3 ☐

c) 3 ngày 15 giờ + 2 ngày 12 giờ = 6 ngày 3 giờ ☐

d) 21 phút 15 giây : 5 = 4 phút 15 giây ☐

PHẦN II: TỰ LUẬN ***(5 điểm)***

Câu 8 . Đặt tính rồi tính *(2 điểm)*

a)456,82 + 154,67 b) 502,81- 162,34 c) 31,72 x 3,5 d) 17,55 : 3,9

……

……

……

……

……

Câu 9. *(2 điểm)* Một bể nước dạng hình hộp chữ nhật có kích thước trong lòng bể là chiều dài 4m, chiều rộng 2m và chiều cao 1,5 m.

a) Hỏi bể chứa được bao nhiêu lít nước?
b) Trong bể đã có 20% bể nước. Hỏi bể đã có bao nhiêu lít nước ?

……

……

……

……

……

……

……

……

Câu 10. (1 điểm) Một đơn vị thanh niên xung phong chuẩn bị một số gạo đủ cho 90 người ăn trong 30 ngày. Sau 10 ngày, đơn vị nhận thêm 10 người nữa. Hỏi số gạo còn lại đó đơn vị sẽ đủ ăn trong bao nhiêu ngày.

……
……
……
……

……
……
……
……

……
……
……
……

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 008

I.TRẮC NGHIỆM

1.*D* 2.*B* 3.*B* 4.*A* 5.*D* 6.*D* 7. a)S b)Đ c)Đ d)Đ

II.TỰ LUẬN

8)Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$a)\,456,82+154,67=611,49$ $b)502,81-162,34=340,47$

$c)31,72\times 3,5=111,02$ $d)17,55:3,9=4,5$

9)a)Số lít nước bể chứa được là : $4\times 2\times 1,5=12(m^3)$

b) Số lít nước bể có là : $12\times 20\%=2,4(m^3)$

Đáp số: $a)12\,m^3$ $b)2,4\,m^3$

10. Số gạo còn lại 1 người ăn được trong 20 ngày để hết là

$90\times 30\times\frac{2}{3}=1800(kg)$

Số ngày để ăn hết số gạo còn lại sau khi thêm 10 người là :

$1800:(90+10)=18$(ngày) Đáp số: 18 ngày

ĐỀ 009

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng (từ Câu 1 đến Câu 4):

Câu 1. *(0,5đ)* Chữ số 5 trong số 3,125 có giá trị là :

A. 5 B. $\frac{5}{10}$ C. $\frac{5}{100}$ D. $\frac{5}{1000}$

Câu 2. *(1đ)* Lớp 5A có 35 bạn, trong đó có 14 bạn nam. Tỉ số phần trăm của số bạn nữ và tổng số bạn lớp 5A là :

A. 40% B. 50% C. 60% D. 70%

Câu 3. *(0,5đ)* **$2m^2\ 5dm^2$ = … … … dm^2.** Số thích hợp điền vào chỗ chấm là :

A. 25 B. 250 C. 205 D. 2005

Câu 4. *(1đ)* Một hình chữ nhật có chiều dài là 21cm, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Diện tích của hình chữ nhật đó là :

A. 29,4dm^2 B. 2,94 dm^2 C. 147cm^2 D. 14,7cm^2

Viết kết quả phù hợp vào chỗ chấm cho Câu 5 và Câu 6

Câu 5. *(1đ)* Diện tích phần tô đậm trong hình bên là :

……..

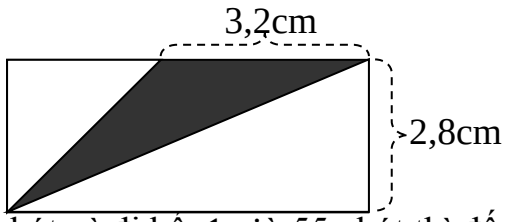

Câu 6. *(1đ)* Một người xuất phát từ nhà lúc 7 giờ 15 phút và đi hết 1 giờ 55 phút thì đến cơ quan làm việc. Thời gian lúc người đó đến cơ quan là :

……..

Câu 7. *(1đ)* Đặt tính rồi tính :

a) 72,1 – 9,125	b) 134,656 : 5,26

Câu 8. *(2đ)* Một đi ô tô trong 2 giờ 45 phút được 143km. Hỏi nếu ô tô đó đi với vận tốc như vậy trong bao lâu thì hết quãng đường dài 182km ?

Bài giải

Câu 9. *(1,5đ)* Một bể nước có kích thước lòng bể là : dài 3,5 ; rộng 2,7m và chiều cao bằng $\frac{7}{9}$ chiều rộng. Hỏi bể nước đó chứa được bao nhiêu lít nước ? *(1dm^3 = 1 lít nước)*

Bài giải

Câu 10. *(0,5đ)* Hoàng chạy 60m trong $\frac{1}{6}$ phút. Hỏi Hoàng chạy được đoạn đường dài bao nhiêu trong 54 giây ?

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 009

1)*D* 2.*C* 3.*C* 4.*B* 5. $4,48\,cm^2$ 6) 9 giờ 10 phút

7) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

a) $72,1-9,125=62,975$ *b*) $134,656:5,26=25,6$

8) 2 giờ 45 phút $=2,75$ (giờ)

Vận tốc của ô tô là : $143:2,75=52\,(km/h)$

Thời gian đi hết quãng đường 182 km: $182:52=3,5$ (giờ) Đáp số: 3,5 giờ

9) Chiều cao bể nước là $2,7\times\frac{7}{9}=2,1(m)$

Số lít nước bể đó chứa là : $3,5\times2,7\times2,1=19,845\left(m^3\right)=19845$ lít

Đáp số: 19845lít

10) $\frac{1}{6}$ phút = 10 giây.

Số mét 1 giây Hoàng chạy là : $60:10=6(m)$

Số mét 54 giây Hoàng chạy là : $6 \times 54 = 324 (m)$ Đáp số: 324m

ĐỀ 010

Bài 1/ (2 điểm) Mỗi bài tập dưới đây có các câu trả lời A, B, C, D. Hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

1. (0.5d) Phân số $\frac{4}{5}$ viết dưới dạng số thập phân là :

A. 0,8 B. 4,5 C. 80 D. 0,45

2. (0.5d) Một đội bóng rổ đã thi đấu 20 trận, thắng 12 trận. Như thế tỉ số % các trận thắng là:

A: 12% B: 32% C: 40% D: 60%

3. (0.5đ) Chữ số 7 trong số thập phân 53,675 có giá trị là:

A: $\frac{7}{10}$ B: $\frac{7}{100}$ C: 70 D: 700

4. (0.5d) Có 4 hình lập phương bằng nhau, cạnh của mỗi hình lập phương là 2cm ; thể tích của 4 hình lập phương đó là:

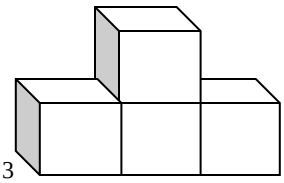

A. 8 cm^3 B. 16 cm^3

C. 20 cm^3 D. 32 cm^3

Bài 2/ Đặt tính rồi tính (2 điểm):

a) 5,025 + 2,557	b) 83,21 - 16,77	c) 22,8 × 3,3	d) 64,96 : 3,2

Bài 3/ (1 điểm): Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 5 tấn 4 kg = …… tấn

b) $5m^3$ 235 dm^3 = …… m^3

c) 5872 m = …… km

d) 1427869m^2 = …… km^2

Bài 4/ (1 điểm) Điền dấu (<, >, =) thích hợp vào chỗ chấm.

a) 30,001 30,01

b) 10,75 10,750

c) 26,589 26,59

d) 30,186 30,806

Bài 5/ (1 điểm) Cho hình chữ nhật ABCD và có kích thước như hình vẽ. Hãy trả lời (vào chỗ chấm) các câu hỏi dưới đây:

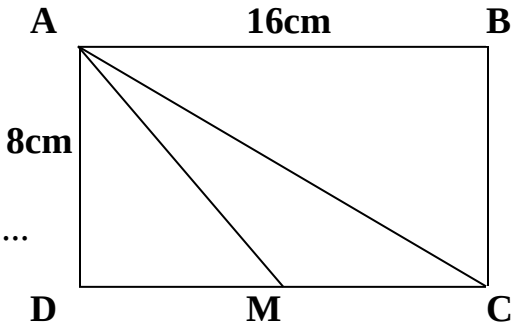

a) Trong hình bên có ... ... hình tam giác.

b) Chu vi của hình chữ nhật ABCD là : ... ...

... ...

Bài 6/ (1 điểm) Tìm x

a/ Tìm x biết :

b/ Tìm 2 giá trị của x sao cho :

x × 6,5 + x × 3,5 = 20

5,9 < x < 6,1

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 7/ (2 điểm) Một ô tô đi từ tỉnh A lúc 6 giờ 15 phút và đến tỉnh B lúc 8 giờ 55 phút. Giữa đường ô tô nghỉ 25 phút. Ô tô đi với vận tốc 45km/giờ. Tính quãng đường từ tỉnh A đến tỉnh B.

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 010

1.1)*A* 2)*D* 3)*B* 4)*D*

2)Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

$a)\,5,025+2,557=7,582$ $b)83,21-16,77=66,44$

$c)22,8\times 3,3=75,24$ $d)64,96:3,2=20,3$

3) a) 5 tấn 4 kg = 5, 004 tấn b) $5m^3 235dm^3 = 5,235m^3$

$c)\,5872\,m=5,872km$ $d)1427869\,m^2=1,427869\,km^2$

4)

$a)\,30,001<30,01$ $b)10,75=10,750$

$c)\,26,589<26,59$ $d)\,30,186<30,806$

5) a) Trong hình bên có 4 tam giác

b) Chu vi hình chữ nhật ABCD : 48cm

6) $a)\ x \times 6,5 + x \times 3,5 = 20$

$x \times (6,5 + 3,5) = 20$

$x \times 10 = 20$

$x = 20 : 10$

$x = 2$

$b)\ 5,9 < x < 6,1$

nên $x = 5,95; x = 6$

7) Thời gian ô tô đi là : 8 giờ 55 phút – 6 giờ 15 phút – 25 phút = 2, 25 (giờ)

Quãng đường AB dài là : $45 \times 2,25 = 101,25 (km)$ Đáp số: 101,25 km

ĐỀ 011

I. Phần trắc nghiệm:

Câu 1. (0,5 điểm) Số thập phân gồm 55 đơn vị, 7 phần trăm, 2 phần nghìn viết là:

A. 55, 720 B. 55, 072 C. 55,027 D. 55,702

Câu 2: (0,5 điểm) Phép trừ 712,54 - 48,9 có két quả đúng là:

A. 70,765 B. 223,54 C. 663,64 D. 707,65

Câu 3. (0,5 điểm) Khoanh vào chữ đặt trước em cho là đúng :

Giá trị của biểu thức: 201,5 - 36,4 : 2,5 × 0,9 là: .....

A. 188,398 B. 187,396 C. 189,396 D. 188,396

Câu 4. (0,5 điểm) Một hình hộp chữ nhật có thể tích $300dm^3$, chiều dài 15dm, chiều rộng 5dm.

Vậy chiều cao của hình hộp chữ nhật là :

A.10dm B. 4dm C. 8dm D. 6dm

Câu 5. (0,5 điểm) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

55 ha 17 m^2 = ...,.....ha

A. 55,17 B. 55,0017 C. 55, 017 D. 55, 000017

Câu 6. (0,5 điểm) Lớp học có 18 nữ và 12 nam. Hỏi số học sinh nữ chiếm bao nhiêu phần trăm số học sinh cả lớp?

A. 150% B. 60% C. 40% D. 80%

II. Phần tự luận:

Bài 1: Đặt tính rồi tính (2 điểm)

a) 88,9972 + 9,6308

.....
.....
.....
……..
……..

b) 7,284 - 5,596

.....
.....
.....
……..
……..

c) 48,02 × 3,24

.....
.....
.....
……..
……..

d) 75,95 : 3,5

.....
.....
.....
……..
……..

Bài 2: Tìm x: (1 điểm)

a) x + 5,84 = 9,16

.....
.....
.....
……

b) x - 0,35 = 2,55

.....
.....
.....
……

Bài 3. (2 điểm) Một người đi xe máy từ khởi hành từ A lúc 8 giờ 30 phút và đến B lúc 9 giờ 42 phút. Quãng đường AB dài 60km. Em hãy tính vận tốc trung bình của xe máy với đơn vị đo là km/ giờ?

……

……

……

……

……

……

……

……

……

Bài 4. (2 điểm) Một đám đất hình thang có đáy lớn 150 m và đáy bé bằng $\frac{3}{5}$ đáy lớn, chiều cao bằng $\frac{2}{5}$ đáy lớn. Tính diện tích đám đất hình thang đó?

……

……

……

……

……

……

……

……

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 011

I.TRẮC NGHIỆM

1.*B* 2.*C* 3.*D* 4.*B* 5.*B* 6.*B*

II.TỰ LUẬN

1) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

$a) 88,9972 + 9,6308 = 98,628$

$b) 7,284 - 5,596 = 1,688$

$c) 48,02 \times 3,24 = 155,5848$

$d) 75,85 : 3,5 = 21,7$

2) $a)\ x + 5,84 = 9,16$

$x = 9,16 - 5,84$

$x = 3,32$

$b)\ x - 0,35 = 2,55$

$x = 2,55 + 0,35$

$x = 2,9$

3) Thời gian đi hết quãng đường AB của xe máy:

9 giờ 42 phút – 8 giờ 30 phút = 1,2 (giờ)

Vận tốc của xe máy là : $60:1,2=50(km/h)$ Đáp số: 50 km/h

4) Đáy bé của hình thang : $150\times\frac{3}{5}=90(m)$

Chiều cao của hình thang là : $150\times\frac{2}{5}=60(m)$

Diện tích hình thang đó là : $(150+90)\times60:2=7200(m^2)$ Đáp số: 7200 m^2

ĐỀ 012

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (4 điểm)

**** Khoanh vào chữ cái đứng trước ý trả lời đúng:***

Câu 1: Chữ số 4 trong số thập phân 135,245 có giá trị là:

A. $\frac{4}{10}$ B. 4 C. $\frac{4}{100}$ D. $\frac{4}{1000}$

Câu 2: Số lớn nhất trong các số 4,079; 4,057; 4,061; 4,08 là:

A. 4,079 B. 4,057 C. 4,061 D. 4,08

Câu 3: 15% của 60 là:

A. 9 B. 400 C. 0,9 D. 90

Câu 4: Một hình lập phương có cạnh là 5cm thể tích của hình lập phương là :

A. 100 cm^3 B. 125 cm^2 C. 125 cm^3 D. 150 cm^3

Câu 5: Số thích hợp điền vào chỗ chấm của 9m^3 57dm^3 =.....m^3 là :

A. 9,57m^3 B. 957m^3 C. 95,7m^3 D. 9,057m^3

Câu 6 : Phân số $\frac{3}{6}$ được viết dưới dạng số thập phân là :

A. 0,5 B. 0,05 C. 3,6 D. 5,0

Câu 7 : Một hình tròn có đường kính là 6cm thì diện tích là :

A. 18,84cm^2 B. 28,26cm^2 C. 113,04cm^2 D. 9,42cm^2

Câu 8 : Tìm số tự nhiên x, biết 1,5 < x < 2,5.

Số x là :

A. 0 B. 1 C. 2 D. 3

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM TỰ LUẬN: (6 điểm)

Bài 1: Đặt tính rồi tính:**(2 điểm)**

a) 68,759 + 26,18

.....

.....

.....

.....

.....

.....

b) 78,9 – 29,79

.....

.....

.....

.....

.....

.....

c) 61,5 x 4,3

.....

.....

.....

.....

.....

.....

d) 19,04 : 5,6

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2:(1 điểm)

a. Viết các phân số $\frac{6}{11}$; $\frac{23}{33}$; $\frac{2}{3}$ theo thứ tự từ bé đến lớn

.....

b. Tìm các chữ số x sao cho 81x chia hết cho cả 2 và 5.

Chữ số x là :.....

Bài 3: Tính (1 điểm)

a) (3 giờ 40 phút + 2 giờ 25 phút) x 3 b) 12 phút 3 giây x 2 + 4 phút 12 giây : 4

....

....

....

....

Bài 4:(2 điểm) Một ô tô dự định đi một quãng đường dài 300km. Ô tô đó đi với vận tốc 60km/giờ và đã đi được $2\frac{1}{4}$ giờ. Hỏi ô tô còn phải đi tiếp quãng đường dài bao nhiêu ki-lô-mét ?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 012

I.TRẮC NGHIỆM

1*C* 2*D* 3*A* 4*C* 5*D* 6*A* 7*B* 8*C*

II. TỰ LUẬN

1)Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

$a) 68,759 + 26,18 = 94,939$ $b) 78,9 - 29,79 = 49,11$

$c) 61,5 \times 4,3 = 264,45$ $d) 19,04 : 5,6 = 3,4$

2) a) bé đến lớn: $\frac{6}{11}; \frac{2}{3}; \frac{23}{33}$ b) x=0

3) Tính

a) (3 giờ 40 phút + 2 giờ 25 phút) $\times$3=18 giờ 15 phút

b) 12 phút 3 giây +4 phút 12 giây :4 = 25 phút 9 giây

4) Số kilomet ô tô đã đi là : $60 \times 2\frac{1}{4} = 135(km)$

Số kilomet ô tô còn phải đi là : $300 - 135 = 165(km)$ Đáp số: 165km

ĐỀ 013

Phần I: TRẮC NGHIỆM (4điểm)

Hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

1.Chữ số 9 trong số thập phân 17,209 có giá trị là:

A. $\frac{9}{10}$ B. $\frac{9}{100}$ C. $\frac{9}{1000}$ D. 900

2. Một hồ nước thể tích là 2,5m^3. Vậy số lít nước được chứa đầy trong hồ là:

A. 25lít B. 2 500 lít C. 250 lít D. 2 005 lít.

3. Phân số $\frac{4}{5}$ được viết dưới dạng số thập phân là:

A. 4,5 B. 0,8 C. 5,4 D. 0,45.

4. Chọn số thập phân thích hợp 7km 504m = … hm

A. 750,4 B. 75,04 C. 7,504 D. 0,7504

5. Khoảng thời gian từ lúc 7 giờ kém 20 đến 7 giờ 30 phút là:

A. 20 phút B. 30 phút C. 40 phút D. 50 phút

6. Đội bóng của một trường học đã thi đấu 20 trận, thắng 18 trận. Như thế tỉ số phần trăm các trận thắng của đội là:

A. 19% B. 85% C. 90% D. 95%.

7. Một hình lập phương cạnh 5cm có thể tích là:

A. 25cm^3 B. 125cm^3 C. 100cm^3 D. 105cm^3

8. Một miếng bìa hình thang có đáy lớn là 6cm, đáy bé 4cm, đường cao 5 cm. Diện tích miếng bìa là:

A. 22 cm^2 B. 25 cm^2 C. 44 cm^2 D. 60 cm^2

<u>Phần II</u>: TỰ LUẬN (6 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

a. 75,06 + 2,357 b. 183,21 – 14,754 c. 26,84 x 3,4 d. 19,152 : 5,32

.....
.....
.....

.....
.....

.....

Bài 2. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm: (2 điểm)

a) 8375m = … km b) 3 tấn 267 kg = …. tấn

c) 4 dm^2 = ….. m^2 d) 150 phút = ……giờ….. phút

Bài 3.(2 điểm) Một ô tô khởi hành từ A lúc 6 giờ 15 phút với vận tốc 60 km/giờ và đến B lúc 8 giờ 45 phút. Cũng trên quãng đường đó, một xe máy chạy hết 4 giờ thì vận tốc của xe máy là bao nhiêu km/ giờ?

Bài làm:

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 013

I.TRẮC NGHIỆM

1*C* 2*B* 3*B* 4*B* 5*D* 6*C* 7*B* 8*B*

II.TỰ LUẬN

1) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$a) 75,06 + 2,357 = 77,417$ $b) 183,21 - 14,754 = 168,456$

$c) 26,84 \times 3,4 = 91,256$ $d) 19,152 : 5,32 = 3,6$

2)

$a) 8375m = 8,375km$ b) 3 tấn 267 kg = 3,267 tấn

$c) 4dm^2 = 0,04m^2$ d) 150 phút = 2 giờ 30 phút

3) Thời gian ô tô đi cả quãng đường AB: 8 giờ 45 phút – 6 giờ 15 phút = 2,5 (giờ)

Quãng đường AB dài là : $60 \times 2,5 = 150 (km)$

Vận tốc xe máy là : $150 : 4 = 37,5 (km/h)$ Đáp số: $37,5 km/h$

ĐỀ 014

Phần 1: (4 điểm)

Mỗi bài tập dưới đây có nêu kèm theo một số câu trả lời A, B, C, D (là đáp số, là kết quả tính...) Hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: **(0,5 điểm)** Chữ số 7 trong số 123,567 chỉ:

A. 7 đơn vị B. 7 phần mười C. 7 chục D. 7 phần nghìn

Câu 2: (1 điểm) Một trường Tiểu học có 500 học sinh, 75% số học sinh trường đó là:

A. 666 em B. 375 em C. 450 em D. 420 em

Câu 3: (1 điểm) Hình chữ nhật có chiều dài 15 cm, chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài. Diện tích hình chữ nhật đó là:

A. 20 cm B. 75 cm^2 C. 40 cm^2 D. 5cm^2

Câu 4: (0,5 điểm) Số thập phân gồm bảy trăm, sáu đơn vị, ba phần mười và 8 phần nghìn được viết là:

A. 706,380 B. 760,308 C. 706,308 D. 706,38

Câu 5: (1 điểm) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 9 m^2= .....dm^2

b) 6 cm^2 8 mm^2=.....cm^2

Phần 2:(6 điểm)

Câu 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

47,65 + 28,37 42,43 - 34,38 17,48: 4,6 29,04 × 8,6

……

……

……

……

……

Câu 2: (3 điểm) Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều rộng 12 m và bằng nửa chiều dài. Diện tích ao cá và đường đi trong vườn chiếm 42,5% diện tích mảnh vườn, còn lại là diện tích trồng hoa. Tính diện tích trồng hoa.

……

……

……

……

……

……

……

……

……

Bài 3: (1điểm) Tìm x bằng cách nhanh nhất biết :

X + X : 0,25 + X : 0,5 + X : 0,125 = 0,45

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 014

Phần 1. 1.*D* 2.*B* 3.*B* 4.*C* 5.*a*) $9m^2 = 900\,dm^2$ *b*) $6cm^2 8mm^2 = 6,08\,cm^2$

Phần 2.

1) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

$47,65 + 28,37 = 76,02$ $42,43 - 34,38 = 8,05$

$17,48 : 4,6 = 3,8$ $29,04 \times 8,6 = 249,744$

2) Chiều dài mảnh vườn là : $12 \times 2 = 24(m)$

Diện tích mảnh vườn là : $24 \times 12 = 288(m^2)$

Diện tích trồng hoa là : $288 \times (100\% - 42,5\%) = 165,6(m^2)$

Đáp số: $165,6m^2$

3) $x + x : 0,25 + x : 0,5 + x : 0,125 = 0,45$

$x + \frac{1}{4}x + \frac{1}{2}x + \frac{1}{8}x = 0,45$

$x \times \left(1 + \frac{1}{4} + \frac{1}{2} + \frac{1}{8}\right) = 0,45$

$1,875x = 0,45$

$x = 0,45 : 1,875$

$x = 0,24$

ĐỀ 015

Phần I: Trắc nghiệm

Câu 1: (5,5 điểm): Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước các câu trả lời đúng:

a. *(0,5 điểm)* Chữ số 9 trong số thập phân 17,209 thuộc hàng nào?

A. Hàng nghìn B. Hàng phần mười C. Hàng phần trăm D. hàng phần nghìn

b. *(0,5 điểm)* $24m^2\ 6dm^2$ = ...m^2

A. $240,6m^2$ B. $24,06m^2$ C. $24,006m^2$ D. $24,6m^2$

c. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm của $3\ m^3\ 76\ dm^3$ = ... m^3 là:

A. $3,76\ m^3$ B. $3,760\ m^3$ C. $37,6\ m^3$ D. $3,076\ m^3$

d. *(0,5 điểm)* Thể tích hình lập phương có cạnh 2,1 cm là:

A. 4,41 cm^3 B. 44,1 cm^3 C. 9,261 cm^3 D. 92,61 cm^3

e. *(0,5 điểm)* Một hình thang có độ dài hai đáy lần lượt là 64cm và 26cm, chiều cao 30 cm. Diện tích hình thang đó là:

A. 2700cm B. 2700cm^2 C. 1350cm D. 1350cm^2

g. *(0,5 điểm)* 25% của 240 là:

A. 0,6 B. 60 C. 600 D. 6

h. *(1,0 điểm)* Một lớp học có 18 nữ và 12 nam. Học sịnh nam chiếm số phần trăm học sinh cả lớp là?

A. 40% B. 150% C . 66% D. 60

i. *(0,5 điểm)* Một xe đạp đi được quãng đường dài 60 km hết 1,5 giờ. Vận tốc của xe đó là:

A. 54 km/ giờ B. 45 km/ giờ C. 36 km/ giờ D. 40 km/ giờ

k. *(1,0 điểm)* Cho một số, nếu lấy số đó cộng với 0,75 rồi cộng với 0,25 được bao nhiêu đem cộng với 1, cuối cùng giảm đi 4 lần thì được kết quả bằng 12,5. Vậy số đó là:

A. 48 **B.** 11,25 **C.** 1,175 **D.** 52

Câu 2: *(1,5 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S

a. Kết quả phép tính 605,26 + 217,3 = 822,56 ☐

b. Kết quả phép tính 800,56 – 384,48 = 416,18 ☐

c. Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật có chiều dài 5 dm, chiều rộng 4 dm, chiều cao 3 dm là: 54 dm^2 ☐

Phần II. Tự luận (3điểm):

Câu 1: *(1,0 điểm)* Đặt tính rồi tính

a. 45,06 x 2,4 b. 88,02 : 5,4

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....
.....
.....
.....

Câu 2:*(2 điểm)* Một ô tô đi từ tỉnh A lúc 7 giờ 30 phút và đến tỉnh B lúc 10 giờ 45 phút. Ô tô đi với vận tốc 48km/giờ và nghỉ dọc đường 15 phút. Tính quãng đường từ tỉnh A đến tỉnh B.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 015

I.Trắc nghiệm

1) *a*)*D* *b*)*B* *c*)*D* *d*)*C* *e*)*D* *g*)*B* *h*)*A* *i*)*D* *k*)*A*

2) a)Đ b)S c)Đ

II.Tự luận

1) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

a) $45,06 \times 2,4 = 108,144$ *b*) $88,02 : 5,4 = 16,3$

2) Thời gian ô tô đi là : 10 giờ 45 phút - 7 giờ 30 phút – 15 phút = 3 (giờ)

Quãng đường AB dài là : $48 \times 3 = 144 (km)$ Đáp số: $144 km$

ĐỀ 016

A/ Phần I:

Khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: (0,5đ)

Phép cộng 137,56 + 26,38 có kết quả là:

a. 136,94 b. 163,94 c. 163,93 d. 163,92

Câu 2: (0,5đ)

Tìm x biết: x + 2,4 = 8,3

a. x = 5,9 b. x = 9,5 c. x = 6,9 d. x = 10,7

Câu 3: (0,5đ)

Số 8 trong số thập phân 13,468 thuộc hàng nào?

a. Hàng nghìn; b. Hàng phần mười;
c. Hàng phần trăm; d. Hàng phần nghìn.

Câu 4: (1đ)

Người ta xếp 8 khối lập phương nhỏ thành một khối lập phương lớn. Biết cạnh khối lập phương nhỏ bằng 2cm. Hỏi khối lập phương lớn có thể tích bao nhiêu?

a. $8cm^3$ b. $64cm^3$ c. $16cm^3$ d. $32cm^3$

Câu 5: (0,5đ)

Chiều dài bìa quyển sách toán 5 vào khoảng bao nhiêu?

a. 24m b. 24dm c. 24cm d. 24mm

Câu 6: (1đ)

Diện tích hình tam giác gạch chéo trong hình chữ nhật bên là:

a. $750cm^2$ b. $1500cm^2$

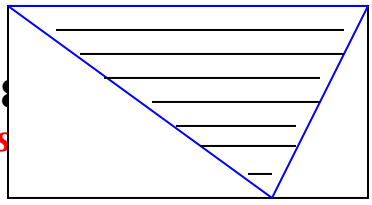

c. $7500cm^2$ d. $150cm^2$

B/ Phần II:

Câu 1: (1đ)

Đặt tính rồi thực hiện các phép tính sau:

a. 18 giờ 54phút + 7giờ06phút
b. 5 giờ 20phút x 12
c. 20 giờ 30phút – 17giờ50phút
d. 84 giờ 6phút 30giây : 15

Câu 2: (1đ)

Lớp 5a có tổng số 30 học sinh; biết học sinh nữ bằng $\frac{2}{3}$ học sinh nam. Tính số học sinh nam và học sinh nữ?

Câu 3: (2đ)

Một ô tô đi từ Bình Định lúc 7g30phút và đến Đà Nẵng lúc 12g45phút; giữa đường ô tô nghỉ 15phút. Biết vận tốc của ô tô là 50km/giờ. Tính quãng đường từ Bình Định đến Đà Nẵng?

Câu 4: (2đ)

So sánh diện tích mãnh đất hình chữ nhật và mãnh đất hình vuông; biết kích thước mãnh đất hình chữ nhật là 63,8m và 36,2m; Cạnh mãnh đất hình vuông bằng $\frac{1}{4}$ của chu vi mãnh đất hình chữ nhật.

……..

……..

……..

……..

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 016

I.TRẮC NGHIỆM

1*B* 2*A* 3*D* 4*B* 5*D* 6*A*

B.TỰ LUẬN

1) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,25đ

a) 18 giờ 54 phút + 7 giờ 6 phút = 26 giờ b) 5 giờ 20 phút $\times 12$ = 64 giờ

c) 20 giờ 30 phút - 17 giờ 50 phút = 2 giờ 40 phút

d) 84 giờ 6 phút 30 giây : 15 = 5 giờ 36 phút 26 giây

2) Tổng số phần bằng nhau : $2+3=5$(phần)

Số học sinh nữ là : $30:5\times 2=12$(học sinh)

Số học sinh nam là : $30-12=18$(học sinh)

Đáp số: Nam: 18học sinh; Nữ: 12 học sinh

3) Thời gian ô tô đi là : 12 giờ 45 phút – 7 giờ 30 phút – 15 phút = 5 (giờ)

Quãng đường Bình Định – Đà Nẵng dài là : $50\times 5=250(km)$

Đáp số: 250 km

4) Chu vi hình chữ nhật là : $(63,8+36,2)\times 2=200(m)$

Diện tích hình chữ nhật : $63,8\times 36,2=2309,56\left(m^2\right)$

Cạnh của hình vuông : $200:4=50\left(m\right)$

Diện tích hình vuông : $50\times 50=2500\left(m^2\right)$

Đáp số: Diện tích hình vuông lớn hơn diện tích hình chữ nhật

ĐỀ 017

Câu 1: Chữ số 5 trong số 162,57 chỉ: (0,5 điểm)
A. 5 đơn vị B. 5 phần trăm C. 5 chục D. 5 phần mười

Câu 2: Hỗn số $2\frac{3}{5}$ được viết dưới dạng phân số là: (1 điểm)
A. $\frac{21}{5}$ B. $\frac{25}{3}$ C. $\frac{13}{10}$ D. $\frac{13}{5}$

Câu 3: 5840g = ... kg (0,5 điểm)
A. 58,4kg B. 5,84kg C. 0,584kg D. 0,0584kg

Câu 4: Có 20 viên bi, trong đó có 3 viên bi nâu, 4 viên bi xanh, 5 viên bi đỏ, 8 viên bi vàng. Như vậy 1/5 số viên bi có màu: (1 điểm)
A. Nâu B. Đỏ C. Xanh D. Trắng

Câu 5: Khoảng thời gian từ lúc 9 giờ kém 10 phút đến 9 giờ 30 phút là: (1 điểm)
A. 10 phút B. 20 phút C. 30 phút D. 40 phút

Câu 6: Một huyện có 320ha đất trồng cây cà phê và 480ha đất trồng cây cao su. Hỏi diện tích đất trồng cây cao su bằng bao nhiêu phần trăm diện tích đất trồng cây cà phê?: (1 điểm)
A. 150% B. 15% C. 1500% D. 105%

Câu 7: Hình lập phương có cạnh là 5m. Vậy thể tích hình đó là: (1 điểm)
A. 150 m^3 B. 125 m^3 C. 100 m^3 D. 25 m^3

Câu 8: Tìm y, biết: (2 điểm)
34,8 : y = 7,2 + 2,8

……

……

……

……

Câu 9: Một người đi xe máy khởi hành từ A lúc 8 giờ 30 phút và đến B lúc 9 giờ 30 phút. Quãng đường AB dài 60km. Hãy tính vận tốc trung bình của xe máy với đơn vị đo là km/giờ? (1 điểm)

……

……

……

……

……

……

……

Câu 10: Một thửa ruộng hình chữ nhật có dài 120m, chiều rộng bằng 90m. Người ta trồng lúa trên thửa ruộng đó, trung bình cứ $100m^2$ thu được 15kg thóc. Tính:
a) Diện tích thửa ruộng hình chữ nhật đó?
b) Trên cả thửa ruộng đó, người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc? (1 điểm)

……

……

……

……

……

……

……

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 017

1.*D* 2.*D* 3.*B* 4.*C* 5.*D* 6.*A* 7.*B*

8) $34,8 : y = 7,2 + 2,8$

$34,8 : y = 10$

$y = 34,8 : 10$

$y = 3,48$

9) Thời gian đi của ô tô là : 9 giờ 30 phút – 8 giờ 30 phút = 1 (giờ)

Vận tốc của ô tô : $60 : 1 = 60 (km/h)$ Đáp số: $60\,km/h$

10) a) Diện tích thửa ruộng là : $120 \times 90 = 10800 (m^2)$

b) Số tạ thóc thu hoạch được là : $10800 : 100 \times 15 = 1620 (kg$ thóc $) = 16,2$ (tạ thóc)

Đáp số: a) $10800\,m^2$ b) $16,2$ tạ thóc

ĐỀ 018

Bài 1 Hãy khoanh vào trước câu trả lời đúng.

a. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm (…….) trong $5m^2\ 8dm^2$ = …….m^2 là:

A . 58 B. 5,8 C. 5,08 D . 5,008

b. chữ số 6 phần thập phân 20,068 có giá trị là :

*A.*6 *B.*$\frac{6}{10}$ *C.*$\frac{6}{100}$ *D.*$\frac{6}{1000}$

Bài 2 :Đặt tính rồi tính:

a. 2697,23 + 87,98 b. 737,59- 689,72 c. 586,7 x 9,34 d. 97,65 : 21,7

……

……

……

……

……

……

Bài 3. Tính giá trị của biểu thức :

3,125 + 2,075 x 2 = …….....

Bài 4: Tính diện tích hình thang có kích thước như hình vẽ sau :

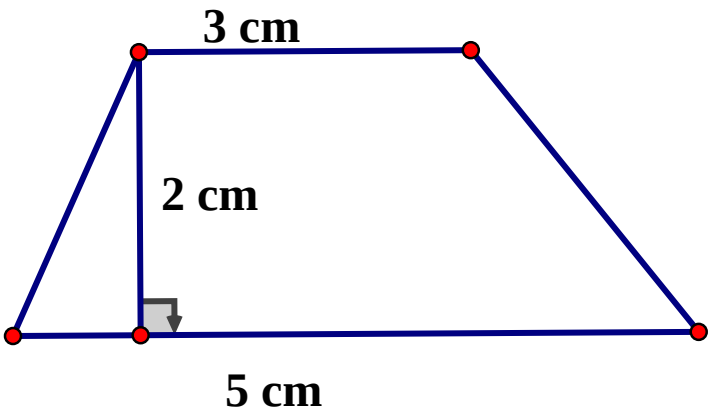

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5 M ột ô tô đi t ừ tỉnh A lúc 6 giờ và đến tỉnh B lúc 10 giờ kém 15 phút .Tính độ dài quãng đường từ tỉnh A đ ến tỉnh B ? biết rằng ô tô đó đi với vận tốc 45km/giờ và giữa đường ô tô có nghỉ 15 phút để đổ xăng..

Tóm tắt Giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

....

Bài 6: Một căn phòng dạng hình chữ nhật có chiều dài 6m , rộng 4,5m và chiều cao 3,8m. Người ta muốn quét vôi trần nhà và bốn bức tường phía trong phòng,biết rằng diện tích các ô cửa là 10,5m^2. Hãy tính diện tích cần quét vôi?

Giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 7 Hai anh em có tất cả 40 viên bi, biết $\frac{1}{3}$ số bi của em bằng $\frac{1}{5}$ số bi của anh. Tính số bi của mỗi người

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 8. Một xe máy ngày thứ nhất đi được $\frac{2}{5}$ quãng đường, ngày thứ hai đi được $\frac{1}{3}$ quãng đường, ngày thứ ba đi thêm 40 km nữa thì vừa hết quãng đường. Hỏi quãng đường xe máy đi được trong ba ngày là bao nhiêu ki lo mét

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 9. Tính giá trị của biểu thức $m\times 2+n\times 2+p\times 2$, biết

a) m = 2006, n = 2007, p = 2008 b) m +n+p = 2009

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 018

1) *a)C* *b)C*

2) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$a)\,2697,23+87,98=2785,21$ $b)737,59-689,72=47,87$

$c)\,586,7\times 9,34=5479,778$ $d)97,65:21,7=4,5$

$3)3,125+2,075\times 2=3,125+4,15=7,275$

4) Diện tích hình thang: $(5+3)\times 2:2=8\left(cm^2\right)$ Đáp số: $8cm^2$

5) Thời gian ô tô đi là : 10 giờ 15 phút – 6 giờ - 15 phút = 4 (giờ)

Quãng đường AB dài là : $45\times 4=180(km)$ Đáp số: 180 km

6) Diện tích xung quanh căn phòng là : $(6+4,5)\times 2\times 3,8=79,8(cm^2)$

Diện tích cần quét vôi là : $79,8+(6\times 4,5)-10,5=96,3\left(m^2\right)$ Đáp số: $96,3\,m^2$

7) $\frac{1}{3}$ số bi của em bằng $\frac{1}{5}$ số bi của anh nên em có 3 phần bi, anh có 5 phần bi

Tổng số phần bằng nhau : $3+5=8$(phần)

Số bi của em là : $40:8\times 3=15$(viên bi)

Số bi của anh là : $40-15=25$(viên bi)

Đáp số: Em: 15 viên bi ; Anh : 25 viên bi

8)Phân số biểu thị quãng đường ngày thứ ba đi là : $1-\left(\frac{2}{5}+\frac{1}{3}\right)=\frac{4}{15}$(quãng đường)

Quãng đường xe máy đi trong 3 ngày là : $40:\frac{4}{15}=150(km)$ Đáp số: $150\,km$

$9)\,a)m\times 2+n\times 2+p\times 2=(m+n+p)\times 2$

$=(2006+2007+2008)\times 2=6021\times 2=12042$

Vậy 12042 là giá trị của $m\times 2+n\times 2+p\times 2$

b) $m\times 2+n\times 2+p\times 2=(m+n+p)\times 2=2009\times 2=4018$

vậy 4018 là giá trị của $m\times 2+n\times 2+p\times 2$

ĐỀ 019

A. **PHẦN TRẮC NGHIỆM**:
Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

1/ Chữ số 2 trong số thập phân 196,724 có giá trị là:

a. $\frac{2}{1000}$ b. $\frac{2}{100}$ c. $\frac{2}{10}$ d. 2

2/ Viết số thích hợp vào chỗ chấm để $2m^3$ = ……dm^3

a. 20 b. 200 c. 2000 d. 20000

3/ Thể tích của một bục gỗ hình lập phương có cạnh 5dm là

a. 125 b. 125dm c. $125dm^2$ d. $125dm^3$

4/ Số thích hợp điền vào chỗ chấm để được 0,075kg = ...g là:

a. 7,5 b. 0,75 c. 75 d. 750

B.**PHẦN TỰ LUẬN**

1/ Đặt tính, thực hiện phép tính

a. 3256,34 + 428,57 b.576,40 – 59,286 c.25,04 x 6,5 d. 125,76 : 1,6

.....

.....

....

.....

.....

.....

.....

2/ Điền dấu >, <, = vào chỗ trống

a) 5,1 ..... 5,08 b) 12,030 12,03

c) 25,679 ..... 25,68 d) 0,919 0,92

3/ Tính:

a) (85,05 : 27 + 850,5) x 43 - 150,97

b) 0,51 : 0,17 + 0,57 : 1,9 + 4,8 : 0,16 + 0,72 : 0,9

.....

.....

....

.....

.....

.....

4/ Một ô tô đi từ tỉnh A lúc 6 giờ và đến tỉnh B lúc 10 giờ 45 phút. Ô tô đi với vận tốc 48 km/giờ và nghỉ dọc đường mất 15 phút. Tính độ dài quảng đường từ tỉnh A đến tỉnh B.

BÀI GIẢI

.....

.....

....

.....

.....

.....

5/ Hai hình chữ nhật có diện tích bằng nhau. Hình thứ nhất có chiều dài 15,2 m;

chiều rộng 9,5 m. Hình thứ hai có chiều rộng 10 m. Tính chu vi hình chữ nhật thứ hai.

.....

.....

....

.....

.....

.....

.....

6/ Tính giá trị của biểu thức M, với a = 119 và b = 0, biết:

M = b: (119 x a + 2005) + (119 : a - b x 2005)

.....

.....

....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 019

A.TRẮC NGHIỆM 1*B* 2*C* 3*D* 4*C*

B.TỰ LUẬN

1) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$a)\,3254,34+428,57=3684,91$ $b)\,576,4-59,286=517,114$

$c)\,25,04\times 6,5=162,76$ $d)\,125,76:1,6=78,6$

2) $a)\,5,1>5,08$ $b)12,030=12,03$ $c)25,679<25,68$ $d)\,0,919<0,92$

3) $a)\left(85,05:27+850,5\right)\times 43-150,97$

$=\left(3,15+850,5\right)\times 43-150,97$

$=853,65\times 43-150,97$

$=36706,95-150,97$

$=36555,98$

$b)\,0,51:0,17+0,57:1,9+4,8:0,16+0,72:0,9$

$=3+0,3+30+0,8$

$=34,1$

4) Quãng đường ô tô đi là : 10 giờ 45 phút – 6 giờ - 15 phút = 4,5 (giờ)

Độ dài quãng đường AB là : $48\times 4,5=216(km)$ Đáp số: $216\,km$

5) Diện tích hình chữ nhật thứ hai là : $15,2\times 9,5=144,4\left(m^2\right)$

Chiều dài hình chữ nhật thứ hai là : $144,4:10=14,44(m)$

Chu vi hình chữ nhật thứ hai là : $\left(14,44+10\right)\times 2=48,88(m)$ Đáp số: $48,88m$

6) $M=b:\left(119\times a+2005\right)+\left(119:a-b\times 2005\right)$

$=0:\left(119\times 119+2005\right)+\left(119:119-0\times 2005\right)$

$=0+\left(1-0\right)=1$

Vậy $M=1$ khi b = 0; a = 119

ĐỀ 020

I.Phần trắc nghiệm:

Bài 1 : Viết số theo tên gọi dưới đây :

a/ Ba trăm sáu mươi bảy triệu hai trăm linh chín nghìn sáu trăm tám mươi lăm : .....

b/ Hai trăm linh một phẩy ba ki – lô – gam, viết là: ……..

Bài 2 a / 40% của một số là 50, vậy số đó là : ……..

a/ 40 b/ 50 c/ 90 d/ 125

b/ Một khối gỗ hình lập phương có cạnh 1,5dm. Diện tích xung quanh của khối gỗ đó là:

a/ 2,25 dm^2 b/ 3,375 dm^2 c/ 9 dm^2 d/ 13,5 dm^2

Bài 3 : Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a. Cho hình tam giác có diện tích là 12,56 cm^2, cạnh đáy tam giác là 8cm.Tính chiều cao của tam giác đó ?

a/ 3,14cm b/ 1,57cm c/ 6,28cm d/ 3,56cm

b. Một hình hộp chữ nhật có chiều dài 3,2dm, chiều rộng 2,5dm, chiều cao 5,6dm . Diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật là :

a/ 14 dm^2 b/ 44,8 dm^2 c/ 51,84 dm^2 d/ 79,84dm^2

c. Khoảng thời gian từ 6 giờ 45 phút sáng đến 10 giờ 55 phút sáng là :

a/ 4 giờ 10phút ; b/ 4 giờ 5phút ; c/ 3 giờ 10phút ; d/ 3giờ 50phút

II. Phần tự luận :

Bài 1 Thực hiện phép tính :

a/ 3456,7 + 456,98 b/789,5 – 96,78 c/ 246,08 x 7,5 d/ 477,75 : 6,5

……

……

……

……

……

……

Bài 2 a/ Tìm X : b/ Tính giá trị biểu thức sau :

a/ X - 5,767 = 200 - 13,2 9,5 – 0,85 x 4 + 0,579

.....

.....

.....

.....

Bài 3 : Một xe khách đi từ tỉnh A đến tỉnh B cách nhau 167,4 km, biết rằng xe xuất phát lúc 7 giờ 10 phút và đến nơi lúc 11 giờ 15 phút cùng ngày; trên đường đi xe có nghỉ 29 phút. Tính vận tốc của xe ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4 : Tính chu vi và diện tích thực tế của hình H dưới đây. Tỉ lệ: 1 : 250

60 cm

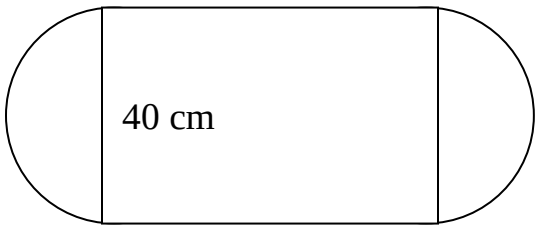

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 020

I.TRẮC NGHIỆM

1) $a)$ 367 209 685 $b)$ 201,3 kg

2) $a)D$ $b)D$ 3) $a)A$ $b)D$ $c)A$

II. TỰ LUẬN

1) Mỗi câu đặt tính đúng được điểm tối đa

$a)\ 3456,7 + 456,98 = 3913,68$ $b)\ 789,5 - 96,78 = 692,72$

$c)\ 246,08 \times 7,5 = 1845,6$ $d)\ 477,75 : 6,5 = 73,5$

2) $a)\ x - 5,767 = 200 - 13,2$

$x - 5,767 = 186,8$

$x = 186,8 + 5,767$

$x = 192,567$

$b)\ 9,5 - 0,85 \times 4 + 0,579$

$= 9,5 - 3,4 \times 4 + 0,579$

$= 6,679$

3) Thời gian ô tô đi là : 11 giờ 15 phút – 7 giờ 10 phút – 29 phút = $3,6$ (giờ)

Vận tốc của xe là : $167,4 : 3,6 = 46,5\ (km/h)$ Đáp số: $46,5 km/h$

4) Diện tích hình H

$(60 \times 250) \times (40 \times 250) + 2 \times (40 : 2) \times 250 + (40 : 2) \times 250 \times 3,14$

$= 160100000 (cm^2) = 16010 (m^2)$

Đáp số: $16010 m^2$

ĐỀ 021

Bài 1 : Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng nhất:

A. Chữ số 5 trong số 61,523 có giá trị là:

a. $\frac{5}{10}$ **b.** $\frac{5}{100}$ **c. 5** **d.** $\frac{5}{1000}$

B . Phân số $\frac{1}{2}$ viết dưới dạng thập phân là:

a. 0,25 **b.** 0,12 **c.** 0,5 **d.** 0,21

C. Đâu là phân số tối giản :

a. $\frac{2}{10}$ **b.** $\frac{36}{50}$ **c.** $\frac{51}{17}$ **d.** $\frac{3}{4}$

D. Điền số thích hợp vào chỗ chấm trong số 19,9…9 < 19,919

a. 8 **b**. 9 **c**. 0 **d.** 2

BÀI 2 : Đặt tính rồi tính (2 điểm)

a. 985,524 + 36,248 **b.** 6389,86 – 239,477 **c** . 347,25 x 3,45 **d.** 350,818 : 4,12

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

BÀI 3 : Tính giá trị của biểu thức:

(73 + 1027 + 27 - 27) x 0,1

……

……

……

BÀI 4: Điền số thích hợp vào chỗ chấm **a**. 4 tấn 8 kg =……. kg

b. 5,45 m^3 =……cm^3

BÀi 5:

Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm:

7,627830 m^3 ……..7627831 cm^3

BÀI 6

a. Nếu cạnh của hình lập phương là 8 cm thì thể tích hình đó là:…….. cm^3

b. Nếu thể tích của hình lập phương là 125 dm^3 thì cạnh hình đó là:…….. dm

BÀI 7: Trái đất chuyển động xung quanh Mặt Trời với vận tốc 29,8 km/giây . Sao Hỏa chuyển động xung quanh Mặt Trời với vận tốc chậm hơn so với Trái đất là 5,7 km/giây. Hỏi mỗi hành tinh đó (Trái Đất, Sao Hỏa) đi được quãng đường dài bao nhiêu kílômét sau 3 giây ?

……

……

……

Bài 8. Người ta trồng lúa trên một khu đất hình chữ nhật dài 200m.chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài.

a) Tính diện tích khu đất đó.
b) Biết rằng trung bình cứ 100m^2 thu hoạch được 300**kg** lúa. Hỏi trên cả khu đất đó người ta thu hoạch được bao nhiêu **tấn** lúa?

……

……

……

……

……

……

Bài 9: Một khúc gỗ hình hộp chữ nhật có chiều dài 3m, rộng 0,8m, cao5dm. 1dm^3 nặng 3,5kg. Hỏi khúc gỗ đó nặng bao nhiêu tạ?

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

Bài 10: Một ô tô chạy từ tỉnh A lúc 6 giờ và đến tỉnh B lúc 10 giờ 30 phút. Ô tô chạy với vận tốc 48 km/giờ. Tính độ dài quãng đường từ tỉnh A đến tỉnh B.

……

……

……

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 021

1) *A.a* *B.c* *C.d* *D.c*

2) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5 điểm

$a)\ 985,524+36,248=1021,727$ $b)\ 6389,86-239,477=6150,383$

$c)\ 347,25\times 3,45=1198,0125$ $d)\ 350,818:4,12=85,15$

$3)\ (73+1027+27-27)\times 0,1=1100\times 0,1=110$

4) a) 4 tấn 8 kg = 4008kg $b) 5,45\,m^3 = 5450000\,cm^3$

5) $7,627830\,m^3 < 7627831\,cm^3$

6) $a) 512\,cm^3$ $b) 5\,dm$

7) Số kilomet 3 giây Trái Đất đi là : $29,8 \times 3 = 89,4\,(km)$

Số kilomet 3 giây sao Hỏa đi là : $5,7 \times 3 = 17,1\,(km)$

Đáp số: $89,4\,km$;$17,1\,km$

8) a) Chiều rộng khu đất là : $200 \times \frac{3}{5} = 120\,(m)$

Diện tích khu đất là : $200 \times 120 = 24000\left(m^2\right)$

b) Số tấn lúa thu hoạch được là :

$24000 : 100 \times 300 = 72000\left(kg\right) = 72$ (tấn lúa)

Đáp số: $a) 24000\,m^2$; b) 72 tấn lúa

9) Thể tích khối gỗ : $3 \times 0,8 \times 0,5 = 1,2\left(m^3\right) = 1200\left(dm^3\right)$

Khối lượng của khối gỗ: $1200 \times 3,5 = 4200\,(kg) = 42\,$(tạ)

Đáp số: 42 tạ

10) Thời gian ô tô đi là : 10 giờ 30 phút – 6 giờ = 4,5 (giờ)

Quãng đường AB dài là : $48 \times 4,5 = 216\,(km)$ Đáp số: $216\,km$

ĐỀ 022

<u>Câu 1</u>: Số 65,982 đọc là: *(0,5điểm)*

A. Sáu mươi lăm phẩy chín trăm hai tám.

B. Sáu trăm năm mươi chín phẩy tám mươi hai.

C. Sáu chục hai đơn vị phẩy chín trăm tám mươi lăm.

D. Sáu mươi lăm phẩy chín trăm tám mươi hai.

***Câu 2**: Số Một nghìn không trăm linh ba phẩy sáu mươi bảy viết là: (0,5điểm)*

A. 1103,67 B. 1300,67 C. 1003,67 D. 1030,67

***Câu 3**: Phần thập phân của số thập phân 23,567 là: (0,5điểm)*

A. 23 B. 567 C. 67 D. 23,567

***Câu 4**: Trong số thập phân 34,2653 chữ số có giá trị ở hàng phần mười là số: (0,5 điểm)*

A. 2 B. 3 C. 6 D. 5

***Câu 5**: Bốn bạn Bắc, Trung, Nam, Tây khi chuyển từ phân số thập phân ra số thập phân $\frac{5}{10}$ = 0,5 bạn nào thực hiện đúng cách: (0,5 điểm)*

A. Tây. 5 : 10 B. Nam. 5 × 10 C. Trung. 5 + 10 D. Bắc. 5 - 10

***Câu 6**: Trong các số thập phân sau, số nào lớn hơn số 12,014: (0,5 điểm)*

A. 12,012 B. 12,015 C. 012,013 D. 12,006

***Câu 7**: Kết quả đúng của phép tính 12,876 × 10 = là: (0,5 điểm)*

A. 1287,6 B. 1,2876 C. 128,76 D. 12876

***Câu 8**: Khi tính tỉ số phần trăm của 13 với 26 thì bạn nào thực hiện cách tính đúng: (0,5 điểm)*

A. Xuân làm: 26 × 13 : 100. B. Đông làm: 13 - 26 : 100.

C. Thu làm: 13 : 26 : 100. D. Hạ làm: 13 : 26 × 100.

***Câu 9**: 45 phút bằng bao nhiêu giờ ? (0,5 điểm)*

A. 0,75 giờ. B. 750 giờ. C. 0,075 giờ. D. 0,57 giờ.

***Câu 10**: Diện tích hình chữ nhật có chiều dài a = 4cm, chiều rộng b = 1,2cm là: (0,5 điểm)*

A. 4,08 cm^2 B. 4,8 cm^2 C. 48 cm^2 D. 8,4 cm^2

<u>Câu 11</u>: Thể tích hình lập phương có kích thước như hình sau là: *(0,5 điểm)*

A. 110 cm^2

B. 115 cm^2

C. 125 cm^3

D. 130 cm^2

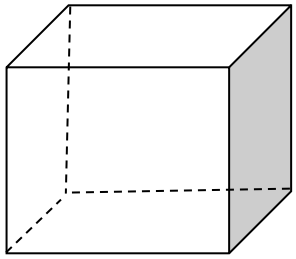

a = 5cm

<u>Câu 12</u>: Trên một thửa ruộng hình chữ nhật có diện tích là 120m^2. Người ta sử dụng một nửa diện tích đó để trồng lúa, phần còn lại trồng ngô.

a. Diện tích đất trồng lúa là bao nhiêu mét vuông ?.

b. Nếu cứ 1m^2 thì thu hoạch được 10kg lúa, thì với diện tích trồng lúa như trên thì người ta thu được bao nhiêu ki-lô-gam lúa ?. *(1,5 điểm)*

***Câu 13**: Bạn Tuấn đi học từ nhà lúc 6 giờ và đi với vận tốc là 15 km/giờ thì đến trường lúc 6 giờ 45 phút. Hỏi đoạn đường từ nhà bạn Tuấn đến trường dài bao nhiêu ki-lô-mét ?.* *(2 điểm)*

***Câu 14:** Mẹ hái được 30 quả cam, con hái được 15 quả cam. Hỏi số cam con hái được bằng bao nhiêu phần trăm số cam mẹ hái được ?.* *(1 điểm)*

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 022

1)*D* 2)*C* 3)*B* 4)*A* 5)*A* 6)*B*
7)*C* 8)*D* 9)*A* 10)*B* 11)*C*

12) a) Diện tích trồng lúa là : $120:2=60\left(m^2\right)$

b) Số kilogam lúa thu hoạch được là : $60\times10=600$ (kg lúa)

Đáp số: $a)60m^2$ b) 600kg lúa

13) Thời gian Tuấn đi là : 6 giờ 45 phút – 6 giờ = $\frac{3}{4}$ (giờ)

Quãng đường từ nhà đến trường dài là : $15\times\frac{3}{4}=11,25(km)$

Đáp số: $11,25km$

14) Số phần trăm số cam của con so với của mẹ là :

$15:30\times100=50\%$

Đáp số: 50%

ĐỀ 023

I. TRẮC NGHIỆM

Em hãy chọn đáp án đúng, viết vào bài kiểm tra:

Câu 1. (0,5 điểm)

Số thập phân gồm 55 đơn vị, 7 phần trăm, 2 phần nghìn viết là:

A. 55, 720 B. 55, 072 C. 55,027 D. 55,702

Câu 2: (0,5 điểm)

Phép trừ 712,54 - 112,54 có kết quả đúng là:

A. 70,54 B. 700,54 C. 600 D. 700,54

Câu 3. (0,5 điểm)

Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Giá trị của biểu thức: 8,98 + 1,02 x 12 là:

A. 22,22 B. 12, 24 C. 10,00 D.21,22

Câu 4. (0,5 điểm)

2 giờ 15 phút = ...phút
A. 120 phút B. 135 phút C. 215 phút D. 205 phút

Câu 5. (0,5 điểm)

Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

9 m^3 25dm^3 = ...dm^3

A. 9025 B. 90025 C. 900025 D. 925

Câu 6. (0,5 điểm)

Viết số thích hợp vào chỗ chấm: 21 km/giờ = ... m/phút

A. 21000 B. 3500 C. 350 D. 1250

Câu 7. (1 điểm) Một ca nô xuất phát từ A lúc 8 giờ 15 phút và đến B lúc 9 giờ. Biết vận tốc của ca nô là 300 m/phút. Hỏi quãng đường AB dài bao nhiêu ki-lô-mét?

A. 12500m B. 13,5km C. 135km D. 13500m

II.TỰ LUẬN

Câu 1. (2 điểm)

Đặt tính rồi tính :
a/ 355,23 + 347,56 b/ 479,25 – 367,18
c/ 28,5 x 4,3 d/ 24,5 : 7

Câu 2.

a/(1 điểm) Cho tam giác ABC có diện tích 26cm^2. Tính chiều cao của tam giác đó, biết độ dài đáy là 8cm.

b/ (1 điểm) Nếu kéo dài cạnh đáy của hình tam giác ABC thêm 3cm thì diện tích tăng thêm bao nhiêu?

Câu 3. (2 điểm) Một xe máy đi từ A đến B với vận tốc 35km/giờ. Sau 1 giờ ô tô cũng đi từ A đến B với vận tốc 45 km/giờ. Hỏi sau bao lâu thì ô tô đuổi kịp xe máy và chỗ gặp nhau cách A bao nhiêu ki-lô-mét?

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 023

I.TRẮC NGHIỆM

1*C* 2*C* 3*D* 4*B* 5*A* 6*C* 7*B*

II. TỰ LUẬN

1)Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

$a) 355,23+347,56=702,79$ $b) 479,25-367,18=112,07$

$c) 28,5\times 4,3=122,55$ $d) 24,5:7=3,5$

Câu 2. a) Chiều cao của tam giác là : $26\times 2:8=6,5(cm)$

b) Diện tích tăng thêm là : $3\times 6,5:2=9,75(cm^2)$

Đáp số: $a) 6,5cm$ $b) 9,75cm^2$

Câu 3. Thời gian để ô tô đuổi kịp xe máy là : $35:(45-35)=3,5$(giờ)

Chỗ gặp nhau cách A: $45\times 3,5=157,5(km)$

Đáp số: 3,5 giờ 157,5 km

ĐỀ 024

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: (1 điểm) (M1) Số bé nhất trong các số: 0,45 ; 0,445 ; 0,405 ; 0,41

A. 0,41 B. 0,45 C. 0,405 D. 0,445

Câu 2: (1 điểm) (M1) Trong số thập phân 81,075 .Chữ số 5 có giá trị là:

A.5 B. $\frac{5}{10}$ C. $\frac{5}{100}$ D. $\frac{5}{1000}$

Câu 3: (1 điểm) (M1)

a) 4ngày12 giờ = ...giờ

A 96 B. 108 C. 252 D.412

b) $8m^2\ 6dm^2$ = ……..m^2

A 86 B. 806 C. 8,06 D.8,6

Câu 4: (1 điểm) (M2)

$1m^3\ 1500cm^3$ = …….. m^3

A. 1,15 B. 1,015 C. 1,0015 D.11500

Câu 5: (1 điểm) (M1) Một hình lập phương có cạnh 6cm. Vậy thể tích của hình đó là:

A. $216cm^2$ B. $216cm^3$ C. $216dm^2$ D. $216dm^3$

Câu 6: (1 điểm) (M2) **:** Nối phép tính với kết quả đúng

15,6 + 7,45	4,5
8,2 – 3,26	4,94
13,5 x 2,3	23,05
14,4 : 3,2	31,05

PHẦN TỰ LUẬN:

Câu 7: (1 điểm) (M3) Lớp 5A dự định sẽ trồng 180 cây, đến nay đã trồng 45% số cây.Hỏi theo dự định, lớp 5A còn phải trồng bao nhiêu cây nữa?

Giải

.....
.....
.....
....
.....

Câu 8:(1 điểm) (M2)**:** Một tấm bìa được tô màu như hình vẽ bên.

Cho cạnh hình vuông là 10 cm

Tính diện tích phần không được tô màu.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 9: (1 điểm) (M3)**:** Một ô tô đi từ A lúc 7 giờ đến B lúc 11 giờ 45 phút. Ô tô đi với vận tốc 48 km/ giờ và nghỉ dọc đường mất 15 phút.Tính quãng đường AB.

Bài giải

.....
....
.....
.....

.....

Câu 10:(M4) Tìm x , biết : $x + x + x + 0,5 \times 0,4 + x + 0,8 + x = 13,5$

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 024

A.TRẮC NGHIỆM 1.*C* 2.*D* 3.*a*)*B* *b*)*B* 4)*C* 5)*B*

6) $15,6 + 7,45 = 23,05$ $8,2 - 3,26 = 4,94$

$13,5 \times 2,3 = 31,05$ $14,4 : 3,2 = 4,5$

7. Số cây lớp 5A phải trồng nữa là : $180 \times (100\% - 45\%) = 99$ (cây)

Đáp số: 99 cây.

8) Diện tích phần không tô màu : $\frac{(10:2)\times(10:2)\times 3,14}{2} \times 4 = 157\,(cm^2)$

Đáp số: $157\,cm^2$

9) Thời gian ô tô đi là : 11 giờ 45 phút – 7 giờ - 15 phút = 4,5 (giờ)

Quãng đường AB dài là : $48 \times 4,5 = 216\,(km)$

Đáp số: $216\,km$

10) $x + x + x + 0,5 \times 0,4 + x + 0,8 + x = 13,5$

$x + x + x + x + x = 13,5 - 0,8 - 0,5 \times 0,4$

$5x = 12,5$

$x = 12,5 : 5 = 2,5$

ĐỀ 025

A. Phần 1:Trắc nghiệm

Mỗi bài tập dưới đây có các câu trả lời A, B, C, D. Hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng (câu 1- 6)

Câu 1:(0,5đ). Chữ số 9 trong số thập phân 84,391 có giá trị là:

A. 9 B. $\frac{9}{10}$ C. $\frac{9}{100}$ D. $\frac{9}{1000}$

Câu 2:(0,5đ). 25% của 600kg là:

A. 120kg B. 150kg C. 180kg D. 200kg

Câu 3: (0,5đ). Tìm Y:

Y x 4,8 = 16,08. Giá trị của Y là:

A . 3,35 B. 3,05 C . 3,5 D . 335

Câu 4: a,(0,5đ). Diện tích hình tam giác có độ dài đáy 35dm,chiều cao 15dm là:

A. 262,5dm^2 B. 26,25dm^2 C.2,625dm^2 D. 2625dm^2

b,(0,5đ). Thể tích hình hộp chữ nhật có chiều dài 8cm, chiều rộng 6cm và chiều cao 7cm là:

A. 98cm^3 B. 336cm C. 336cm^2 D. 336cm^3

Câu 5: (1đ). Giá trị của biểu thức 165,5 : (4,25 + 5,75) – 10,5 là :

A. 6,5 B. 6,05 C. 7,05 D. 5,05

Câu 6: (1đ). Một người đi xe đạp từ A lúc 6 giờ với vận tốc 13km/giờ và đến B lúc 9 giờ. Quãng đường AB dài là:

A. 33km B. 36km C. 39km D. 42km

Câu 6: (1đ). Điền số thích hợp vào chỗ chấm (...)

a. 3 giờ 15 phút =.....phút

c. 6 km 35m = ...km

b. 5 m^3 8 dm^3 =.....dm^3

d. 2 tấn 450 kg =.....tấn

B. Phần 2: Tự luận

Bài 1. (2 điểm): Đặt tính rồi tính

a) 384,49 + 35,35

b) 165,50 – 35,62

c) 235,05 x 4,2

d) 9,125 : 2,5

Bài 2 (2 điểm). Một thửa ruộng hình thang có đáy lớn là 28m, đáy bé 18m và chiều cao hơn đáy bé 7m. Người ta cấy lúa trên thửa ruộng đó, cứ 100m^2 thu hoạch được 62 kg thóc. Tính số ki-lô-gam thóc thu được trên thửa ruộng đó?

Bài 3 (0,5 điểm): Tính bằng cách thuận tiện

$$7{,}15 : 0{,}5 + 7{,}15 \times 9 - 7{,}15$$

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 025

Phần	Câu (Bài)	Ý	Đáp án chi tiết	Điểm T. phần
Phần trắc nghiệm (5,5đ)	1		Khoanh vào C	0,5 đ
	2		Khoanh vào B	0,5 đ
	3		Khoanh vào A	0,5 đ
	4	a	Khoanh vào A	0,5 đ
		b	Khoanh vào D	0,5đ
	5		Khoanh vào B	0,5 đ

	6		Khoanh vào C	0,5 đ
	7		a. 195 phút c. 6,035 km b. 5008 dm^3 d.2,450 tấn (Mỗi ý đúng được 0,25 điểm)	1đ
Phần tự luận (4,5đ)	1(2đ)	a	Đặt tính và tính đúng phép tính được 0,5đ	
			384,49 + 35,35 = 419,84	0,5đ
		b	165,50 – 35,62 = 129,88	0,5đ
		c	235,05 x 4,2 = 987,21	0,5đ
		d	9,125 : 2,5 = 3,65	0,5đ
	2(2đ)		Chiều cao của thửa ruộng hình thang là: 18 + 7 = 25 (m)	0,25đ
			Diện tích của thửa ruộng hình thang là: (28 + 18) x 25 : 2 = 575 ($m^{2)}$	0,75đ
			Số ki-lô-gam thóc thu được trên thửa ruộng.. (575 : 100) x 62 = 356,5 (kg)	0,75đ
			Đáp số : 356,5 kg thóc	0,25đ
	3 (0,5đ)		7,15 : 0,5 + 7,15 x 9 – 7,15 = 7,15 x 2 + 7,15 x 9 – 7,15 x1	0,25đ
			= 7,15 x (2 + 9 – 1)	0,25đ

			= 7,15 x 10 = 71,5	

ĐỀ 026

Phần I: Trắc nghiệm

Câu 1: Quãng đường từ tỉnh A đến tỉnh B dài 108 km. Một người đi từ tỉnh A đến tỉnh B trong 4 giờ 30 phút. Vậy vận tốc của người đó là:

A. 40 km/giờ B. 24 km/phút C. 24 km/giờ D. 34 km/giờ

Câu 2: Lúc 6 giờ 45 phút, một xe máy đi từ Đà Lạt và đến Nha Trang lúc 8 giờ 45 phút. Trên đường, người đó nghỉ 30 phút. Người đó đi với vận tốc 43,75 km/giờ. Hỏi quãng đường từ Đà Lạt đến Nha Trang dài bao nhiêu ki-lô-mét ?

A.65 km B. 64,625 km C. 65,625 km D. 66 km

Câu 3: Nối mỗi phép tính với kết quả đúng

6 giờ 45 phút + 4 giờ 38 phút	9 giờ 45 phút + 9 giờ 15 phút
9 giờ 21 phút – 4 giờ 47 phút	1,2 giờ
4 giờ 45 phút × 4	4 giờ 34 phút
4 giờ 48 phút : 4	11 giờ 23 phút

II. Trình bày bài giải các bài toán sau:

Câu 4: Tính

a) $\frac{3}{6}+\frac{7}{12}=$ b) $\frac{7}{8}-\frac{5}{6}=$

.....

.....

.....

.....

.....

c) $28,75 : 0,15+12\times5,71$ d) $157,625 \times 169 - 157,625 \times 46 - 157,625 \times 23$

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 5: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 20175 m = ... km ..... m b) 14 tạ 900 kg = ... kg

c) 57584 m^2 = ... ha ..... m^2 d) 9 m^3 7 dm^3 = ... dm^3

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 026

I.TRẮC NGHIỆM 1.*C* 2.*C*

3. 6 giờ 45 phút + 4 giờ 38 phút = 11 giờ 23 phút

9 giờ 21 phút - 4 giờ 47 phút = 4 giờ 34 phút

4 giờ 45 phút $\times 4$ = 9 giờ 45 phút +9 giờ 15 phút

4 giờ 48 phút : 4 = 1,2 giờ

II.TRÌNH BÀY LỜI GIẢI

$4)\,a)\,\frac{3}{6}+\frac{7}{12}=\frac{6}{12}+\frac{7}{12}=\frac{13}{12}$ $\quad b)\,\frac{7}{8}-\frac{5}{6}=\frac{42}{48}-\frac{40}{48}=\frac{2}{48}=\frac{1}{24}$

$c)\,28,75:0,15+12\times 5,71=\frac{575}{3}+\frac{1713}{25}=\frac{19514}{75}$

$d)\,157,625\times 169-157,625\times 46-157,25\times 23$

$=157,625\times(169-46-23)$

$=157,625\times 100=15762,5$

Câu 5. $a)\,20175m=20\,km175\,m$ b) 14 tạ 900 kg = $2300\,kg$

c) $57584\,m^2=5\,ha\,7584\,m^2$ $\quad d)\,9m^3 7dm^3=9007\,dm^3$

ĐỀ 027

I.TRẮC NGHIỆM (6 điểm)

Chọn ý đúng ghi vào bài làm. (Câu 1; 2; 3; 4; 5; 7).

Câu 1. (0,5 điểm) **Số bé nhất trong các số: 3,055; 3,050; 3,005; 3,505 là:**

a. 3,505 **b. 3,050** **c. 3,005** **d. 3,055**

Câu 2. (0,5 điểm) **Trung bình một người thợ làm một sản phẩm hết 1giờ 30 phút. Người đó làm 5 sản phẩm mất bao lâu ?**

a. 7 giờ 30 phút **b. 7 giờ 50 phút**

c.6 giờ 50 phút **d. 6 giờ 15 phút**

Câu 3. (0,5 điểm) **Có bao nhiêu số thập phân ở giữa 0,5 và 0,6:**

a. Không có số nào **b. 1 số** **c. 9 số** **d. Rất nhiều số**

Câu 4. (0,5 điểm) **Hỗn số** $3\frac{9}{100}$ **viết thành số thập phân là:**

a. 3,90 b.3,09 c.3,9100 d. 3,109

Câu 5. (1 điểm) **Tìm một số biết 20 % của nó là 16. Số đó là :**

a. 0,8 **b. 8** **c. 80** **d. 800**

Câu 6. (1 điểm) **Đúng điền Đ, sai điền S vào ô trống.**

Một hình lập phương có diện tích xung quanh là 36 dm^2. Thể tích hình lập phương đó là:

a. 27 dm^3 ☐

b. 2700 cm^3 ☐

c. 54 dm^3 ☐

d. 27000 cm^3 ☐

Câu 7. (1 điểm) **Trong các vận tốc sau, vận tốc nào lớn nhất?**

a. 810m/phút **b. 0,78km/phút** **d. 12,5m/giây**

d.48km/giờ

Câu 8. (1 điểm) **Điền số thích hợp vào chỗ chấm:**

a. 0,48 m^2 = …… cm^2 **b. 0,2 kg = …… g**

c.5628 dm^3 = ……m^3 **d. 3 giờ 6 phút = ….giờ**

II. TỰ LUẬN: (4 điểm)

Bài 1. (2 điểm) **Đặt tính và tính.**

a. 56,72 + 76,17 **b. 367,21 - 128,82**

c. 3,17 x 4,5 **d. 52,08 :4,2**

Bài 2. (2 điểm) **Quãng đường AB dài 180 km. Lúc 7 giờ 30 phút, một ô tô đi từ A đến B với vận tốc 54 km/giờ, cùng lúc đó một xe máy đi từ B đến A với vận tốc 36 km/giờ. Hỏi:**

a. Hai xe gặp nhau lúc mấy giờ?

b. Chỗ 2 xe gặp nhau cách A bao nhiêu ki-lô-mét?

...... Hết .....

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 27

I.TRẮC NGHIỆM (6 điểm)

Câu 1. (0,5 điểm) **đáp án c**

Câu 2. (0,5 điểm) **đáp án a**

Câu 3. (0,5 điểm **) đáp án d**

Câu 4. (0,5 điểm) **đáp án b**

Câu 5. (1 điểm) **đáp án c**

Câu 6. (1 điểm)

a. 27 dm^3 **Đ**

b. 2700 cm^3 ☐ **S**

c. 54 dm^3 ☐ **S**

d. 27000 cm^3 ☐ **Đ**

Câu 6. (1 điểm) **đáp án c**

Câu 7. (1 điểm) **đáp án a**

Câu 8. (1 điểm) **Mỗi ý đúng ghi 0,25 điểm**

a. 0,48 m^2 = 4800 cm^2 **b. 0,2 kg = 200 g**

c. 5628 dm^3 = 5,628 m^3 **d. 3 giờ 6 phút = 3,1.giờ**

II. TỰ LUẬN (4 điểm)

Bài 1: (2 điểm **) Đặt tính và tính đúng mỗi phép tính ghi 0,5 điểm**

a. 132,89 **b. 238,39** **c. 14,265** **d. 12,4**

Bài 2: (2 điểm **)**

Giải

Tổng hai vận tốc là:

36 + 54 = 90 (km/ giờ) (0,5 điểm)

Hai người gặp nhau sau:

180 : 90 = 2 (giờ) (0,5 điểm)

Hai người gặp nhau lúc:

2 giờ + 7 giờ 30 phút = 9giờ 30 phút (0,5 điểm)

Chỗ gặp nhau cách A số km là:

54 x 2 = 108 (km) (0,5 điểm)

Đáp số: a) 9 giờ 30 phút

c) 108 km

ĐỀ 028

I.TRẮC NGHIỆM (6 điểm)

Chọn ý đúng ghi vào bài làm. (Câu 1; 2; 4; 6).

Câu 1. (0,5 điểm) **Số $2\frac{3}{5}$ viết dưới dạng phân số là :**

a. $\frac{10}{5}$ **b.** $\frac{13}{5}$ **c.** $\frac{12}{5}$ **d.** $\frac{11}{5}$

Câu 2**.** (0,5 điểm) **Viết phân số** $\frac{4}{5}$ **dưới dạng tỉ số phần trăm là :**

a. 0,8 % **b. 8 %** **c. 80 %** **d. 800 %**

Câu3**.** (0,5 điểm) **Số bé nhất trong các số: 3,055; 3,050; 3,005; 3,505 là:**

a. 3,505 **b. 3,050** **c. 3,005** **d. 3,055**

Câu 4. (1 điểm) **Điền số thích hợp vào chỗ chấm:**

a. $\frac{2}{3}$ **giờ = … phút** **b. 4,6 giờ = … giờ…phút**

c. 3 phút 15 giây = …. giây **d. 2 năm 7 tháng = …tháng**

Câu 5. (1 điểm) **Một hình hộp chữ nhật có chu vi đáy là 7,2m; chiều dài 3m. Chiều rộng hình hộp chữ nhật là:**

a. 0,5m **b. 0,2m** **c. 0,4m** **d. 0,6m**

Câu 6. (0,5 điểm) **Bể nước có thể tích là 3,5m³. Hỏi khi bể đầy nước thì trong bể có bao nhiêu lít nước?**

a. 35 lít **b. 350 lít** **c. 3500 lít** **d. 35000 lít**

Câu 7. (1 điểm) **Một đàn gà, vịt có 150 con. Trong đó số gà chiếm 60% cả đàn. Số con vịt có trong đàn là:**

a. 30 con **b. 40 con** **c. 50 con** **d. 60 con**

Câu 8. (1 điểm) **Một máy bay bay với vận tốc 930km/giờ, đường bay dài 2325km. Máy bay đến nơi lúc 10 giờ 15phút. Vậy máy bay khởi hành lúc :**

a.8giờ 45phút **b. 7,45giờ** **c. 7giờ 45phút** **d. 8 giờ 15phút**

II. TỰ LUẬN: (4 điểm)

Bài 1. (2 điểm) **Đặt tính và tính.**

a. 123,4 + 23,6 **b. 345,2 – 67,53**

c. 56,23 x 7,8 **d. 26,88 : 5,6**

Bài 2. (2điểm) Hai tỉnh A và B cách nhau 115km. Lúc 6 giờ ,một người đi xe máy khởi hành từ A với vận tốc 36km/giờ. Cùng lúc đó, một người đi xe đạp khởi hành từ B với vận tốc 10km/giờ và đi ngược chiều .Hỏi :

a. Hai người gặp nhau lúc mấy giờ ?

b. Chỗ gặp nhau cách A bao nhiêu km ?

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 28

I.TRẮC NGHIỆM (6 điểm)

Câu 1. (0,5 điểm) **đáp án b**

Câu 2. (0,5 điểm) **đáp án c**

Câu 3. (0,5 điểm **)** **đáp án c**

Câu 4. (1 điểm) **Mỗi ý đúng ghi 0,25 điểm**

a. $\frac{2}{3}$ **giờ = 40 phút** **b. 4,6 giờ = 4 giờ 24 phút**

d. 3 phút 15 giây = 195 giây **d. 2 năm 7 tháng = 31 tháng**

Câu 5. (1 điểm) **đáp án d**

Câu 6. (0,5 điểm) **đáp án c**

Câu 7. (1 điểm) **đáp án d**

Câu 8. (1 điểm) **đáp án c**

II. TỰ LUẬN (4 điểm)

Bài 1: (2,0 điểm **) Đặt tính và tính đúng mỗi phép tính ghi 0,5 điểm**

a. 147 b. 277,67 c. 438,594 d. 4,8

Bài 2: (2,0 điểm **)**

giải

Tổng vận tốc của hai xe là : (0,5đ)

36 + 10 = 46 (km/giờ)

Hai xe gặp nhau sau : (0,5đ)

115 : 46 = 2,5 giờ = 2 giờ 30 phút

Hai xe gặp nhau lúc : (0,5đ)

6 giờ + 2 giờ 30 phút = 8 giờ 30

Chỗ gặp nhau cách A số km là (0,5đ)

36 x 2,5 = 90 (km)

Đáp số : a) 8 giờ 30 phút

b) 90 km

ĐỀ 029

i/ phần trắc nghiệm: _____/ 4 điểm

1. khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng: _____/ 1,5 điểm

a. giá trị của chữ số 3 trong số 128,853 là:

a. hàng phần mười. b. hàng phần trăm.

c. hàng phần nghìn. d. hàng đơn vị.

B. phân số $\frac{153}{22}$ được viết dưới dạng tỉ số phần trăm là:

a. 6,9545% b. 0,9545

c. 695,45% d. tất cả đều sai.

C. dòng nào dưới đây sắp xếp đúng thứ tự các số đo thời gian từ lớn đến bé:

a. $\frac{1}{4}$ GIỜ ; 45 GIÂY ; $\frac{3}{5}$ PHÚT ; 26 PHÚT ; 55 PHÚT

b. $\frac{3}{5}$ PHÚT ; 45 GIÂY ; $\frac{1}{4}$ GIỜ ; 26 PHÚT ; 55 PHÚT

c. 55 phút ; $\frac{1}{4}$ GIỜ ; $\frac{3}{5}$ PHÚT ; 45 GIÂY ; 26 PHÚT

d. 26 phút ; 55 phút ; $\frac{1}{4}$ GIỜ ; 45 GIÂY ; $\frac{3}{5}$ PHÚT

2. đúng ghi đ, sai ghi s vào ô trống: _____/ 1,5 điểm

A. $4\frac{1}{5}$ GIỜ = 4,2 GIỜ ☐

b. 14,28 : 100 : 2 = 14,28 x 100 x 2 ☐

c. 6 giờ 18 phút : 3 = 2 giờ 6 phút ☐

3. điền đơn vị đo thích hợp vào chỗ chấm: _____/ 1 điểm

a. 1 ha = …… m^2

b. 777,1 m^3 = …… dm^3

c. 712 yến = …… kg

d. 912 kg = …… tấn

ii/ <u>phần tự luận</u>: _____/ 6 điểm

bài 1: đặt tính rồi tính: _____/ 1 điểm

a. 6 giờ 16 phút + 7 giờ 55 phút

b. 125,76 : 3,2

bài 2: tính giá trị của biểu thức: _____/ 1 điểm

a = 417,2 + 45,7 : (2 – 1,9)

b = $\frac{18}{21} + \frac{1}{4}$ X $\frac{16}{25}$ – 0,45

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

bài 3: _____/ 1 điểm

a. tính bằng cách thuận tiện nhất:

7,3 x 1,25 x 27 x 8

b. tìm y:

y : 6,14 = 21,2 – 13,7

bài 4: _____/ 2 điểm

một người đi ô tô từ a đến b với vận tốc 50 km/giờ. cùng lúc đó, một người đi xe máy cũng từ a đến b với vận tốc 30 km/giờ. biết người đi ô tô khởi hành lúc 7 giờ 30 phút và người đi xe máy khởi hành lúc 6 giờ. hỏi kể từ lúc bắt đầu đi, sau mấy giờ ô tô đuổi kịp xe máy?

giải

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

bài 5: _____/ 1 điểm

lớp 5e có 50 học sinh. trong đó số học sinh nữ chiếm $\frac{3}{2}$ số học sinh nam. hỏi lớp 5e có bao nhiêu học sinh nam? học sinh nữ?

giải

……

……

……

……

……

……

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 029

I.Phần Trắc nghiệm

1) $a)C$ $b)C$ $c)B$ 2) a)Đ b) S c) Đ

3) $a)1ha = 10000m^2$ b) $777,1m^3 = 777100\,dm^3$

c) 712 yến = 7120 kg d) $912kg = 0,912$ tấn

II. **tự luận**

1) Mỗi câu đặt tính đúng được 0,5đ

a) 6 giờ 16 phút + 7 giờ 55 phút = 14 giờ 11 phút

b) $125,76 : 3,2 = 39,3$

2) $a)\ 417,2 + 45,7 : (2 - 1,9)$

$= 417,2 + 45,7 : 0,1$

$= 417,2 + 457$

$= 874,2$

$b)\ \frac{18}{21} + \frac{1}{4} \times \frac{16}{25} - 0,45$

$= \frac{6}{7} + \frac{1 \times 4}{1 \times 25} - \frac{9}{20} = \frac{6}{7} + \frac{4}{25} - \frac{9}{20} = \frac{397}{700}$

3) $a)\ 7,3 \times 1,25 \times 27 \times 8$

$= (7,3 \times 27) \times (1,25 \times 8)$

$= 197,1 \times 10 = 1971$

$b)\ y : 6,14 = 21,2 - 13,7$

$y : 6,14 = 7,5$

$y = 7,5 \times 6,14$

$y = 46,05$

4) Số kilomet xe máy đi trước ô tô là : $30 \times$ (7 giờ 30 phút – 6 giờ)= 45 (km)

Số giờ để ô tô đuổi kịp xe máy là : $45:(50-30)=2,25$ (giờ)

Đáp số: 2,25 giờ

5)Tổng số phần bằng nhau : $3+2=5$ (phần)

Số học sinh nam là : $50:5\times 2=20$(em)

Số học sinh nữ là : $50-20=30$ (em)

Đáp số: nam : 20 em Nữ: 30 em

ĐỀ SỐ 30

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

* Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1: a) Giá trị của chữ số 8 trong số thập phân 123,789 thuộc hàng nào?

A. Hàng nghìn; C. Hàng phần trăm;

B. Hàng phần mười; D. Hàng phần nghìn;

b) Phân số $\frac{1}{4}$ được viết dưới dạng số thập phân là :

A. 0,25 B. 25 C. 2,5 D. 1,4

Câu 2: a) Số thích hợp cần điền vào chỗ chấm : $5m^2\ 25dm^2$ = ... m^2

A. 525 B. 5,25 C. 52,5 D. 0,525

b) 7816 kg = ... **tấn. Số cần điền vào chỗ chấm là :**

A. 78,16 B. 7816 C. 7,816 D. 781,6

Câu 3 : Hình tròn có đường kính là 8dm :

a) Bán kính hình tròn là **:**

A. 4dm B. $16dm^2$ C. $4dm^2$ D. $16dm^2$

b) Diện tích hình tròn là:

A. 50,24dm B. $5024dm^2$ C. $50,24dm^2$ D.50,24m

Câu 4: a) Số thập phân 0,75 được viết dưới dạng tỉ số phần trăm là :

A. 75% B. 750% C. 7,5% D. 0,75%

b) Lớp 5A có 30 học sinh trong đó có 9 học sinh giỏi. Hỏi số học sinh giỏi chiếm bao nhiêu phần trăm so với tổng số học sinh cả lớp ?

A. 0,3% B. 30% C. 300% D. 33,33%

Câu 5: a) Một hình thang có tổng số đo của hai đáy là 8,6 m, chiều cao là 4m. Vậy hình thang có diện tích là :

A. 4,3 m^2 B. 6,3m^2 C. 17,2m^2 D.34,4m^2

b) Một hình lập phương có diện tích toàn phần là 150cm^2. Vậy hình lập phương đó có thể tích là :

A. 125 m^3 B. 12,5cm^3 C. 125m D.125cm^3

B. PHẦN TỰ LUẬN:

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

a. 245,25 + 675,39

.....
.....
.....
.....

b. 72,5 – 46,37

.....
.....
.....
.....

c. 126,5 x 3,4

.....
.....
.....
.....

d. 22,95 : 4,25

.....
.....
.....
.....

Bài 2 : **Tìm x :**

a. 6 : x = 0,5

……..

b. x - 36,2 = 72,9

……

…….. ..... ……..

Bài 3: **Một ô tô đã đi từ tỉnh A lúc 7 giờ và đến tỉnh B lúc 11 giờ 45 phút. Ô tô đi với vận tốc 46 km/ giờ và nghỉ dọc đường mất 15 phút. Tính độ dài quãng đường từ tỉnh A đến tỉnh B ?**

Bài giải:

……
……
……
……
……
……
……
……

Bài 4: **Tính nhanh**

$$\frac{12,48:0,5\times6,25\times4\times2}{2\times3,12\times1,25:0,25\times10}=$$

……

……

……

Bài 5: **Tính nhanh**

a) **18,85 x 2010 – 65 x 18,85 – 18,85 x 945**

……

……

……

……

b) 2,1 + 4,3 + 6,5 + 8,7 + … + 19,7 + 21,9

Đáp án đề số 30

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Khoanh vào mỗi đáp án đúng được 0,5 điểm.

Câu	1	2	3	4	5
Khoanh vào chữ cái	a) C b) A	a) B b) C	a) A b) C	a) A b) B	a) C b) D

B. PHẦN TỰ LUẬN (5 điểm)

Bài 1: (2 điểm): Mỗi phép tính đúng được 0,5 điểm

a. 920,64 b. 26,13

c. 430,10 d. 5,4

Bài 2: (1 điểm). Mỗi phép tính đúng được 0,5 điểm:

a. x = 12 b. x = 109,1

Bài 3: (1 điểm)

Bài giải

Thời gian ô tô đi từ tỉnh A đến tỉnh B kể cả thời gian nghỉ là :

11 giờ 45 phút – 7 giờ = 4giờ 45 phút (0,25điểm)

Thời gian ô tô thực đi là:

4 giờ 45 phút – 15 phút = 4 giờ 30 phút = 4,5 giờ (0,25điểm)

Độ dài quãng đường từ tỉnh A đến tỉnh B là:

46 x 4,5 = 207(km) (0,5 điểm)

Đáp số : 207 km

$4)\dfrac{12,48:0,5\times6,25\times4\times2}{2\times3,12\times1,25:0,25\times10}=\dfrac{12,48\times2\times6,25\times4\times2}{2\times3,12\times1,25\times4\times10}=\dfrac{4\times1\times5\times1\times1}{1\times1\times1\times1\times5}=4$

$5)\,a)18,85\times2010-65\times18,85-18,85\times945$

$=18,85\times(2010-65-945)$

$=18,85\times1000=18850$

$b)\,2,1+4,3+6,5+....+19,7+21,9$

Số số hạng : $(21,9-2,1):2,2+1=10$ (số)

Tổng : $(21,9+2,1).10:2=120$